

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XI
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII**

CHỦ ĐỀ ĐẠI HỘI

“Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tiếp tục khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy ý chí, sức mạnh đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hài hòa, bền vững; bảo đảm quốc phòng - an ninh; phấn đấu Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển trung bình của cả nước”.

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

A- BỐI CẢNH CHUNG

I- THUẬN LỢI

Trà Vinh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI trong bối cảnh hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế; toàn cầu hóa, cách mạng khoa học, công nghệ diễn ra mạnh mẽ; sức mạnh tổng hợp, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao qua gần 40 năm đổi mới, mở ra cơ hội mới phát triển đất nước. Đảng bộ Trà Vinh, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, sự phối hợp tích cực của các Ban, Bộ, ngành Trung ương và tỉnh thành trong cả nước. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn chú trọng phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí, khát vọng phát triển của đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tập trung lãnh, chỉ đạo, điều hành năng động, sáng tạo, quyết liệt trên các lĩnh vực; các cấp, các ngành và nhân dân nỗ lực phấn đấu trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn. Các công trình, dự án lớn hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả tích cực, tạo động lực phát triển. Những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và kinh nghiệm quý báu qua các nhiệm kỳ từ khi tái lập tỉnh 1992, nhất là thành tựu và kinh nghiệm của nhiệm kỳ 2015 - 2020 được kế thừa và phát huy.

II- KHÓ KHĂN

Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, trật tự đa cực ngày càng rõ nét, nhiều vấn đề toàn cầu, các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng... ngày càng phức tạp, khó lường hơn. Trong nước, tình hình dịch bệnh, thiên tai, hạn

mặn, bão lũ, sạt lở do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp. Quy mô nền kinh tế của tỉnh vẫn còn nhỏ; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có mặt chưa thật sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa; năng lực sản xuất và khả năng tự chủ ngân sách còn hạn chế; tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19; áp lực lạm phát, nguyên vật liệu biến động mạnh làm ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực; giá cả các mặt hàng nông sản có lúc không ổn định ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân; an ninh, trật tự, khiếu kiện của công dân từng lúc còn diễn ra...

B- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I- KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 06 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, 03 NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ, GẮN VỚI THỰC HIỆN 06 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, 03 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

1. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tập trung xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quán triệt, học tập, phổ biến Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XIII, Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị; các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh toàn khóa và Chuyên đề hàng năm của tỉnh (đạt tỷ lệ trên 98% đảng viên và 85% đoàn viên hội viên); đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị. Chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên⁽¹⁾.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; chủ động phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ⁽²⁾.

- Chỉ đạo xây dựng, nâng cao chất lượng và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác, đặc biệt triển khai thực hiện có hiệu quả trong toàn tỉnh mô hình *Chi bộ “bốn tốt”, đảng bộ “bốn tốt”, “Trên làm gương mẫu mực, dưới tích cực làm theo”, “Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân”* gắn với triển khai thực hiện tốt phương châm *“Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển”* và được thực hiện đồng bộ với các quy định của Đảng, nhất là về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và người đứng đầu⁽³⁾.

(2) Tập trung huy động các nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, tận dụng lợi thế để Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Chỉ đạo triển khai các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào Khu Kinh tế

⁽¹⁾ Mở 03 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối tượng III cho 350 đồng chí; 22 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối tượng IV cho 2.393 đồng chí.

⁽²⁾ Chỉ đạo kiểm điểm, tự phê bình và phê bình đối với 941 tập thể, 7.644 cá nhân.

⁽³⁾ Đến nay có trên 2.000 mô hình học tập và làm theo Bác được nhân rộng.

Định An, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh; các dự án, công trình trọng điểm, hạ tầng hồ nước ngọt dọc bờ sông Láng Thè bảo đảm an ninh nguồn nước cho các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1), Dự án Cầu Đại Ngãi, xây dựng tuyến đường hành lang ven biển, Cầu Cỏ Chiên 2; các dự án nuôi trồng, chế biến thủy sản. Kết quả, nhiều dự án quan trọng đã được triển khai, như: Khu bến tổng hợp Định An, Nhà máy sản xuất Hydro xanh, các dự án điện gió, hệ thống kho cảng xăng dầu.

(3) Tập trung tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phấn đấu Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025

Chỉ đạo tập trung tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghệ cao; tham gia tích cực Đề án Phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030; chuyển đổi mạnh từ các loại cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi hiệu quả kinh tế cao, khả năng cạnh tranh trên thị trường; xây dựng và duy trì nhãn hiệu nông sản được quan tâm thực hiện⁽⁴⁾, nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả và mô hình hợp tác được nhân rộng; chuyển mạnh nuôi thủy sản sang mô hình công nghệ cao⁽⁵⁾; kết cấu hạ tầng ngày càng đáp ứng nhu cầu chuyển đổi sản xuất và ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng một số mô hình sử dụng công nghệ thông minh, tự động hóa, cơ giới hóa. Xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào năm 2024.

(4) Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế

Kịp thời ban hành 09 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để cụ thể hóa thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị, nhất là ban hành Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đạt chuẩn theo quy định⁽⁶⁾. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng tăng⁽⁷⁾, nhất là nhân lực trong hệ thống chính trị, nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế; tỷ lệ lao động qua đào tạo 70,02%⁽⁸⁾.

(5) Tập trung nâng cao các chỉ số đánh giá cấp tỉnh

Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 theo lộ trình của Chính phủ⁽⁹⁾; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành

⁽⁴⁾ Xây dựng và duy trì được khoảng 70 nhãn hiệu nông sản, được cấp 99 mã số vùng trồng và có 395 sản phẩm OCOP.

⁽⁵⁾ Như các mô hình: Phát triển sản phẩm OCOP liên kết chuỗi giá trị; nuôi tôm thẻ siêu thâm canh giàu oxy; nuôi heo sinh học khép kín; dưa hấu cơ liên kết theo chuỗi giá trị; sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hữu cơ áp dụng cơ giới hóa đồng bộ gắn với phát thải thấp; về sản phẩm OCOP mật hoa dừa (Sok Farm); nuôi tôm thâm canh mật độ cao (toàn tỉnh hiện có 1.856 hộ nuôi tôm thâm canh mật độ cao, với diện tích 2.536,86 ha)...

⁽⁶⁾ Đã cử 363 lượt cán bộ, công chức, viên chức đào tạo sau đại học; 447 lượt cán bộ, công chức, viên chức đào tạo đại học; bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quản lý Nhà nước, tin học, ngoại ngữ cho 35.657 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

⁽⁷⁾ Tiến sĩ 166 người, Thạc sĩ 2.026 người, Đại học 14.747 người.

⁽⁸⁾ Trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 36,20% (chỉ tiêu Nghị quyết: Tỷ lệ lao động qua đào tạo 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%).

⁽⁹⁾ Rà soát, công khai 1.790 thủ tục hành chính và đã tích hợp 1.147 dịch vụ công lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh cung cấp 1.746 dịch vụ công.

chính công; thiết lập môi trường hành chính bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi và minh bạch; tạo sự hài lòng và niềm tin đối với nhà đầu tư, các tổ chức và nhân dân với chính quyền các cấp trong tỉnh. Thứ hạng các chỉ số đánh giá cấp tỉnh như PCI, PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PGI có nhiều chuyển biến.

(6) Tập trung củng cố thế trận quốc phòng, an ninh vững mạnh

Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, không để xảy ra “điểm nóng”, quan tâm đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ; các công trình sở chỉ huy các cấp, doanh trại, nhà kho vũ khí được nâng cấp, sửa chữa từng bước khang trang, chính quy. Xây dựng các công trình phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh⁽¹⁰⁾.

2. Kết quả thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá

(1) Đột phá về phát triển hạ tầng theo hướng đồng bộ, liên kết, hiện đại, khắc phục các điểm nghẽn, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tích hợp các phương án phát triển công nghiệp, năng lượng, hạ tầng thương mại và logistic, giao thông, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin vào Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quá trình triển khai đồng bộ đã tạo sự chuyển biến rõ nét, là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Phối hợp triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm do Bộ Giao thông Vận tải đầu tư trên địa bàn tỉnh⁽¹¹⁾; tập trung đầu tư xây dựng các tuyến đường tỉnh, đường huyện, giao thông nông thôn; đầu tư, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường thiết yếu, quan trọng mang tính liên vùng, liên huyện, kết nối thông suốt thành thị - nông thôn⁽¹²⁾; đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu bến cảng tổng hợp Định An, bến cảng Trà Cú; Quốc hội thông qua Nghị quyết “Thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ”. Trong đó, dự án xây dựng cầu Cổ Chiên 2, kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Trà Vinh được Quốc hội thống nhất bổ sung vào danh mục dự án.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu, nền tảng số, cơ bản bảo đảm hạ tầng mạng hoạt động ổn định, thông suốt phục vụ kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu cầu của người dân⁽¹³⁾. Trung tâm dữ liệu của tỉnh cơ bản được đầu tư hiện đại, đồng bộ bảo đảm cho triển khai, vận hành các ứng dụng, cơ sở dữ liệu. Hoàn thành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh kết nối

⁽¹⁰⁾ Khởi công xây dựng Sở Chỉ huy diễn tập KVPT tỉnh.

⁽¹¹⁾ Các dự án như: Cải tạo, nâng cấp QL.53 (đoạn Trà Vinh - Long Toàn); Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2); cầu Đại Ngãi đã khởi công quý III/2023; cải tạo, nâng cấp QL.54 đã được Bộ GTVT giao Ban quản lý dự án (QLDA) 7 lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi...

⁽¹²⁾ Các dự án các cầu trên ĐH.38 (nay là ĐT.911), Nâng cấp, cải tạo ĐT.914 hoàn thành năm 2021; đang triển khai thi công ĐT.913C, ĐT.915B giai đoạn 2, ĐH.13 kéo dài (nay là ĐT.912B), cầu Ba Động, Đường dẫn vào cảng Định An, cầu Bung Lớn kết nối với tỉnh Vĩnh Long; hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Giai đoạn 2).

⁽¹³⁾ Hệ thống Internet băng rộng cáp quang đã được phát triển đến 100% xã, phường, thị trấn. Trên 95% người dân sử dụng Internet; 90% dân số trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh.

với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản lý, điều hành, đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Đầu tư hệ thống đường dây truyền tải điện, xây dựng trạm biến áp, đảm bảo cung ứng cho sản xuất và sinh hoạt của người dân⁽¹⁴⁾. Tập trung triển khai đầu tư hạ tầng năng lượng, tạo đột phá phát triển ngành năng lượng tái tạo. Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời vận hành thương mại⁽¹⁵⁾. Quốc hội thông qua Nghị quyết về Quy hoạch không gian biên quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó bổ sung nội dung “*nghiên cứu phát triển Trà Vinh thành trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước*”.

- Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các loại hình kinh doanh hiện đại, cải thiện đáng kể hệ thống phân phối của tỉnh⁽¹⁶⁾. Tăng cường phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website thực hiện chào bán, chào mua trên các sàn thương mại điện tử của tỉnh⁽¹⁷⁾, kết nối với các sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước⁽¹⁸⁾.

- Từng bước đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, như: Quy hoạch mở rộng thành phố Trà Vinh; thị xã Duyên Hải và khu vực dự kiến thành lập thị xã Tiểu Cần được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV.

(2) Đột phá về cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và tạo quỹ đất để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp.

Chỉ đạo quán triệt tinh thần thể chế là nguồn lực, động lực, là mục tiêu của sự phát triển; triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS giai đoạn 2021 - 2025, đổi mới công tác xúc tiến, thu hút đầu tư từ hình thức giới thiệu tiềm năng, nhu cầu đầu tư của tỉnh sang hình thức tìm hiểu nhu cầu của nhà đầu tư, thành lập các đoàn đến làm việc trực tiếp nhà đầu tư. Rà soát, công khai thủ tục hành chính và tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tích hợp nền tảng thanh toán trực tuyến vào Cổng dịch vụ công của tỉnh trong thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến. Xây dựng hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, nâng cao chất lượng và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Đưa vào vận hành hiệu quả Hệ thống theo

⁽¹⁴⁾ Trạm biến áp 220kV Duyên Hải và đấu nối; Đường dây 110kV 174 Cầu Kè - 172 Trà Cú. Đặc biệt là đầu tư đường dây trung áp cấp ngầm 22kV vượt sông Cổ Chiên, cấp điện cho 02 xã: Hòa Minh, Long Hòa huyện Châu thành.

⁽¹⁵⁾ Đã vận hành thương mại, hoạt động ổn định 05 dự án điện gió với tổng công suất khoảng 322MW; 01 Nhà máy điện mặt trời công suất 140MW và 1.149 hệ thống điện mặt trời mái nhà tổng công suất 35,5MW.

⁽¹⁶⁾ Đến nay, toàn tỉnh có 07 siêu thị, 02 Trung tâm thương mại, 115 chợ, 24 Cửa hàng tiện lợi.

⁽¹⁷⁾ Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 sàn Thương mại điện tử; 01 sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh với 208 doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử của tỉnh với 988 sản phẩm.

⁽¹⁸⁾ Sendo, tiki, tiktok, lazada, alibaba... của tỉnh với 988 sản phẩm.

đổi nhiệm vụ, ứng dụng chuyển đổi số Trà Vinh (Smart Trà Vinh) giúp người dân, doanh nghiệp sử dụng các tiện ích dịch vụ công, thanh toán trực tuyến.

(3) Đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật; chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững

Tăng cường công tác nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật⁽¹⁹⁾ ứng dụng vào thực tiễn, đóng góp tích cực vào sản xuất và đời sống. Công tác bảo hộ sản phẩm, thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được tập trung thực hiện có hiệu quả, Cục Sở hữu trí tuệ cấp “Chỉ dẫn địa lý Quả dứa sáp Trà Vinh”; xây dựng và được chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa²⁰.

3. Kết quả thực hiện phương châm hành động “Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển”

- Các cấp ủy đảng quán triệt sâu sắc, bám sát phương châm hành động của Tỉnh ủy nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI “Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển” trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương; chủ động, sáng tạo đổi mới nội dung, hình thức học tập, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, Nhân dân⁽²¹⁾; thực hiện hiệu quả 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá, góp phần kiến tạo môi trường đổi mới, sáng tạo, đột phá, phát triển trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai phương châm hành động của Tỉnh ủy trong toàn Đảng bộ.

- Gắn phương châm hành động với thực hiện nghiêm các nghị quyết, quy định của Trung ương. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định số 4495-QĐ/TU, ngày 10/4/2019 của Tỉnh ủy “*về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành trong tỉnh Trà Vinh*” vào kiểm điểm, tự phê bình, phê bình hàng năm; kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Qua đó, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý phát huy tốt vai trò nêu gương theo phương châm “*trên trước, dưới sau*”, “*trong trước, ngoài sau*”, cấp ủy nêu gương cho đảng viên, đảng viên nêu gương cho quần chúng... góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đoàn kết, đồng thuận toàn Đảng bộ trong triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Cán bộ, đảng viên nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương hành

⁽¹⁹⁾ Đã triển khai thực hiện 103 đề tài, dự án, chuyển giao 39 đề tài sau nghiệm thu.

²⁰ Tôm Trà Vinh, Thanh long Trà Vinh, Cua Trà Vinh, Bưởi da xanh Trà Vinh, Lúa gạo hữu cơ Long Hòa - Hòa Minh - Châu Thành...

⁽²¹⁾ Tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng bằng nhiều hình thức kết hợp: Hội nghị quán triệt trực tiếp, trực tuyến, cấp phát tài liệu, tổ chức cuộc thi viết “Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI - Khát vọng Trà Vinh; chuyên thể các chỉ thị, nghị quyết của đảng, các văn bản chỉ đạo của ngành sang hình thức infographic, bản tin âm thanh (audio), bản tin kết hợp âm thanh và hình ảnh (video) với phát thanh viên ảo, sử dụng trí tuệ nhân tạo...

chính, thực thi công vụ; thực hiện nghiêm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kê khai tài sản, thu nhập; chấp hành sự phân công của tổ chức, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công; tích cực thực hiện các chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử của cơ quan, đơn vị⁽²²⁾; từng bước xây dựng hình mẫu người cán bộ, đảng viên theo Quy định 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị “*Quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*”.

- Việc triển khai phương châm hành động của Tỉnh ủy đã tạo thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong toàn Đảng bộ, cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, nhất là phong trào thi đua “*Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, “*Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*”... tạo động lực mạnh mẽ để Trà Vinh thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra.

II- CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh

1.1. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị

- Tập trung chỉ đạo cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương khóa XIII; công tác triển khai, quán triệt, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ngày càng nền nếp và đảm bảo chất lượng; đổi mới phương thức tổ chức học tập, đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền nghị quyết của Đảng⁽²³⁾; tổ chức các cuộc Hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi, thi viết “*Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI - Khát vọng Trà Vinh*”; tỷ lệ đảng viên, đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội tham gia học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được đảm bảo (*bình quân mỗi nghị quyết triển khai trong đảng viên đạt trên 98%*).

- Lãnh, chỉ đạo nâng cao ý thức, bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Qua đó, bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tính chiến đấu của Đảng bộ và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từng bước được nâng lên.

1.2. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tư tưởng

- Chỉ đạo thường xuyên bồi dưỡng, giáo dục Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; xây dựng các Đề án đổi mới công tác tư tưởng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới và chỉ đạo triển khai thực hiện trong toàn tỉnh⁽²⁴⁾.

⁽²²⁾ Có 512/515 địa phương, cơ quan, đơn vị (tính theo cấp chi bộ, đảng bộ cơ sở) xây dựng chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động.

⁽²³⁾ Biên soạn đề cương, tài liệu phục vụ việc quán triệt, tuyên truyền cho phù hợp; tăng cường tuyên truyền thông qua internet, mạng xã hội; số hoá tài liệu tuyên truyền...

⁽²⁴⁾ Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 28/02/2022 về “*Đổi mới công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh trong tình hình mới*”, Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 28/3/2023 về “*Sổ tay đảng viên điện tử*”.

- Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái; thù địch được lãnh đạo, chỉ đạo tập trung; chỉ đạo có hiệu quả công tác nắm bắt, xử lý và định hướng dư luận xã hội⁽²⁵⁾; chủ động xây dựng kế hoạch truyền thông trước những vụ việc nhạy cảm, phức tạp, tăng cường chia sẻ thông tin định hướng, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phản bác thông tin có quan điểm sai trái thù địch nhất là trên không gian mạng, thực hiện tốt công tác nghiên cứu, biên soạn, giáo dục lịch sử Đảng tại địa phương, đơn vị theo tinh thần Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về *tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng và các kế hoạch của tỉnh*⁽²⁶⁾.

1.3. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về đạo đức

Lãnh đạo thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII), Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị “*tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới và các chuyên đề hàng năm đạt hiệu quả thiết thực. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định, kết luận của Trung ương, của tỉnh liên quan đến trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện các quy định về nêu gương; kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo sự lan tỏa trong toàn Đảng bộ và ngoài xã hội⁽²⁷⁾.

1.4. Tiếp tục đổi mới hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức phòng, ban, đơn vị trực thuộc theo Kế hoạch số 71-KH/TU, Kế hoạch số 72-KH/TU và Đề án số 05-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm cấp phó bên trong của từng tổ chức sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thị xã, thành phố⁽²⁸⁾. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, rà soát sắp xếp, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh⁽²⁹⁾; sắp xếp, sáp nhập giảm 60/815 ấp, khóm và giảm 02 phường/106 xã, phường, thị trấn. Giai đoạn 2022 - 2026, tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, giảm chi phí hành chính, nâng cao

⁽²⁵⁾ Thực hiện 13 cuộc điều tra khảo sát dư luận xã hội trên địa bàn tỉnh bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, với tổng số 39.998 phiếu, nội dung về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những vấn đề bức thiết, dư luận xã hội quan tâm.

⁽²⁶⁾ In ấn 55 công trình, trong đó có 18 công trình cấp tỉnh; 30 công trình lịch sử Đảng bộ huyện, xã, phường, thị trấn; 07 công trình ngành huyện, thị xã, thành phố.

⁽²⁷⁾ Các địa phương, cơ quan, đơn vị biểu dương, khen thưởng trên 600 lượt mô hình, điển hình học tập và làm theo Bác.

⁽²⁸⁾ Đã giảm được 26/81 phòng, ban chuyên môn các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội. Các sở, ban, ngành tỉnh đã sắp xếp, kiện toàn giảm 43 phòng chuyên môn, 09 chi cục trực thuộc sở, chiếm tỷ lệ 34,67% so với tổng số phòng chuyên môn, chi cục và tương đương trực thuộc sở năm 2015.

⁽²⁹⁾ Đến nay, tỉnh có 509 đơn vị sự nghiệp công lập, đã giảm 76 đơn vị sự nghiệp (*đạt tỷ lệ 12,99%*) so với năm 2015; giảm 74 đơn vị (*đạt tỷ lệ 12,69%*) so với năm 2017 và tăng 05 đơn vị so với năm 2021, cơ bản đạt được mục tiêu đề ra theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Thành lập mới 08 đơn vị sự nghiệp công lập.

hiệu lực, hiệu quả hoạt động⁽³⁰⁾. Khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động trong các cơ quan đảng, nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội⁽³¹⁾.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý công việc, cải cách hành chính trong Đảng và hệ thống chính trị; cải tiến lề lối làm việc.

1.5. Củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

- Lãnh đạo kiện toàn, sắp xếp các tổ chức cơ sở đảng đồng bộ, thống nhất với các tổ chức của hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, *sinh hoạt tổ đảng ở những chi bộ có đông đảng viên*; ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử trong sinh hoạt đảng, từng bước thực hiện tốt việc chuyển đổi số trong công tác xây dựng đảng của tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ đảng viên ngày càng tiên phong, gương mẫu, có trách nhiệm cao trong công việc, gắn bó với nhân dân. Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên⁽³²⁾ gắn với việc rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng⁽³³⁾. Chỉ đạo tổ chức Hội nghị giao ban giữa Thường trực Tỉnh ủy với các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; Hội nghị giao ban giữa thường trực huyện ủy, thị ủy, thành ủy với bí thư chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn; tổ chức Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi. Chú trọng lãnh đạo công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo quy định⁽³⁴⁾.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện tốt việc phân công cấp ủy viên, trưởng, phó các ban, ngành cấp huyện phụ trách địa bàn xã và ấp khóm; đồng thời, chỉ đạo các đảng ủy xã, phường, thị trấn chỉ đạo chi bộ ấp, khóm phân công đảng viên phụ trách hộ gia đình⁽³⁵⁾; đưa đảng viên công tác ở xã, phường, thị trấn về sinh hoạt ở chi bộ ấp, khóm.

⁽³⁰⁾ Tỉnh giảm được 31 biên chế công chức, đạt tỷ lệ 1,86%/5% của giai đoạn 2022 - 2026; giảm 1.219 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đạt tỷ lệ 6,92%/10% của giai đoạn 2022 - 2026.

⁽³¹⁾ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 19/19 cơ quan, đạt 100%; 100% UBND cấp huyện ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp huyện.

⁽³²⁾ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã kết nạp 6.695 đảng viên, đạt 121,72% so với Nghị quyết Đại hội; trong đó có, 114 đảng viên trong doanh nghiệp ngoài Nhà nước (*15 đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân*), 07 đảng viên là chức sắc, chức việc trong tôn giáo.

⁽³³⁾ Đã xóa tên 856 trường hợp, xin ra khỏi Đảng 673 trường hợp.

⁽³⁴⁾ Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ đạt trên 95%, trung bình 5 năm đạt 99,36% (*Nghị quyết là 100%*). Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ ước đạt 90% trở lên (*vượt chỉ tiêu Nghị quyết 80% trở lên*); hằng năm, tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 90% trở lên (*vượt chỉ tiêu Nghị quyết 80% trở lên*).

⁽³⁵⁾ Kết quả, có 13.736/27.893 đảng viên được phân công công tác, chiếm tỷ lệ 49,25% so với tổng số đảng viên được phân công công tác, phụ trách 250.404 hộ gia đình, đạt 100% đảng viên thuộc diện phụ trách hộ (*đảng viên phụ trách cao nhất là 80 hộ, thấp nhất là 01 hộ*), bình quân mỗi đảng viên phụ trách từ 7 đến 26 hộ gia đình.

- Quan tâm đến đảng viên nghèo ở ấp, khóm; kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy triển khai thực hiện cuộc vận động vốn để hỗ trợ đảng viên nghèo phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống⁽³⁶⁾.

1.6. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ theo hướng toàn diện về trình độ, phẩm chất, năng lực, uy tín đi đôi với trách nhiệm của người đứng đầu. Quan tâm công tác quy hoạch⁽³⁷⁾, đào tạo đội ngũ cán bộ đảng viên, đảm bảo chất lượng theo quy định⁽³⁸⁾.

- Chỉ đạo thực hiện tốt vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, các địa phương, cơ quan, đơn vị. Làm tốt công tác luân chuyển, điều động cán bộ; nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý không phải là người địa phương⁽³⁹⁾.

- Chú trọng chỉ đạo phối hợp nắm chắc tình hình chính trị nội bộ, nhất là tình hình chính trị hiện nay của cán bộ, đảng viên; thực hiện tốt công tác rà soát, thẩm tra, xác minh, thẩm định và kết luận tiêu chuẩn chính trị cán bộ, đảng viên phục vụ công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, kết nạp đảng viên.

1.7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Công tác kiểm tra, giám sát được chỉ đạo tập trung, có hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy trình, quy định; hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp chủ động ban hành chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và chuyên đề đối với các đảng bộ, tổ chức đảng trực thuộc và toàn diện các lĩnh vực; chú trọng kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng gắn với cá nhân người đứng đầu ngày càng siết chặt kỷ luật, kỷ cương⁽⁴⁰⁾. Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra; chỉ đạo xem xét, xử lý kỷ luật kịp thời, nghiêm minh đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên có khuyết điểm, vi phạm. Phát huy tối đa vai trò các tổ chức, cơ sở đảng làm tốt công tác tự kiểm tra. Tập trung giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo tổ chức đảng và đảng viên.

⁽³⁶⁾ Số tiền 10.981.416.656 đồng. Hỗ trợ 1.347 lượt đảng viên nghèo, khó khăn ở ấp, khóm có vốn để phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống. Trong số này, có 944 lượt đảng viên sử dụng vốn có hiệu quả và hoàn trả lại vốn, chiếm 73,8% so với tổng số lượt đảng viên được hỗ trợ vốn.

⁽³⁷⁾ Bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025; 2025 - 2030: Cấp tỉnh, Ban Chấp hành 67 đồng chí, Ban Thường vụ 15 đồng chí; Cấp huyện, Ban Chấp hành 571 đồng chí, Ban Thường vụ 170 đồng chí; Cấp xã, Ban Chấp hành 2.025 đồng chí, Ban Thường vụ 805 đồng chí.

⁽³⁸⁾ Đưa 25.272 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo về lý luận chính trị (cao cấp 397, trung cấp 1.651, sơ cấp 1.395); đưa 21.681 lượt cán bộ, công chức, viên chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn ngạch, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, chức vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và quốc phòng - an ninh...

⁽³⁹⁾ Cấp ủy các cấp đã luân chuyển 84 đồng chí. Bố trí các chức danh không phải là người địa phương: Bí thư cấp ủy cấp huyện 06/09 huyện, chủ tịch ủy ban nhân dân 06/09 huyện; Bí thư cấp ủy cấp xã 100/106 xã, chủ tịch UBND cấp xã 89/106 xã.

⁽⁴⁰⁾ Cấp ủy các cấp kiểm tra 1.997 tổ chức đảng, 7.131 đảng viên (có 2.419 cấp ủy viên); giám sát 1.871 tổ chức đảng, 6.310 đảng viên (có 2.274 cấp ủy viên); kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 01 tổ chức đảng, 36 đảng viên (có 16 cấp ủy viên). Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 334 tổ chức đảng, 649 đảng viên (có 395 cấp ủy viên); kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 1.113 tổ chức đảng; kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng đối với 210 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 1.736 tổ chức đảng, 2.574 đảng viên (có 2.352 cấp ủy viên)...

Công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra bảo đảm chặt chẽ, đúng quy trình; công khai kết quả kiểm tra, giám sát đúng theo quy định⁽⁴¹⁾.

1.8. Công tác dân vận, mặt trận, xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh

- Ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định về công tác dân vận nhằm nâng cao nhận thức về đổi mới công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là dân vận chính quyền, gắn với công tác xây dựng Đảng, tạo sự đồng thuận và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, phát huy vai trò Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Các cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, gắn với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, cải tiến lề lối làm việc, phong cách ứng xử trong giao tiếp với công dân.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phát huy tính năng động, sáng tạo, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền⁽⁴²⁾. Thực hiện tốt công tác hiệp thương, giám sát, giới thiệu những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng đa dạng hóa hình thức vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức hội và đoàn viên, hội viên⁽⁴³⁾.

1.9. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh⁽⁴⁴⁾ và kịp thời cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, trong đó tập trung vào các biện pháp nâng cao tính minh bạch trách nhiệm, giải trình và kiểm soát nội bộ, thực hiện tốt công tác kê khai, công khai, kiểm soát tài sản thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước⁽⁴⁵⁾.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương, nhất là các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và quy định về nêu

⁽⁴¹⁾ Cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 16 tổ chức đảng (khiển trách 11, cảnh cáo 5) và kỷ luật 827 đảng viên, có 200 cấp ủy viên (khiển trách 543 cảnh cáo 167 cách chức 27, khai trừ 90).

⁽⁴²⁾ Tổ chức 1.928 cuộc giám sát, 172 cuộc hội nghị phản biện xã hội, 939 hội nghị góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

⁽⁴³⁾ Toàn tỉnh hiện có 858.438 đoàn viên, hội viên, đạt tỷ lệ 94,21%, dân số trong điều kiện tập hợp.

⁽⁴⁴⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống lãng phí.

⁽⁴⁵⁾ Chỉ đạo thực hiện 5.679 bản kê khai tài sản, thu nhập; tiến hành xác minh tài sản, thu nhập của 117 cá nhân tại 27 cơ quan, đơn vị, qua đó kiến nghị rút kinh nghiệm 46 cá nhân, hợp rút kinh nghiệm 18 cá nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm 36 cá nhân, kiểm điểm trách nhiệm 17 cá nhân.

gương, những điều đảng viên không được làm, trách nhiệm đối với người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức.

- Thường xuyên thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng⁽⁴⁶⁾; tăng cường công tác thanh tra trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai. Quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị, tố cáo đối với hành vi tham nhũng, tiêu cực, nhất là những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

1.10. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo của các cơ quan tham mưu, các tổ chức của hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cấp ủy, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực, người đứng đầu cấp ủy. Phát huy tốt vai trò trách nhiệm nêu gương của Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành và cán bộ, đảng viên trong tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; tăng cường đi cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho ngành, địa phương. Tăng cường chỉ đạo, phân công cấp ủy, lãnh đạo các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến địa phương tham gia chỉ đạo địa bàn và phụ trách địa phương, cơ sở.

- Chỉ đạo Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy rà soát, bổ sung quy chế làm việc theo quy định khung của Trung ương.

- Chủ động kiểm tra việc cụ thể hoá, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quan tâm đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng các cuộc họp, hội nghị, ban hành các văn bản; chú trọng sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp thực hiện tốt thời gian tiếp theo.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, chất lượng cải cách tư pháp; quan tâm đối thoại, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

- Lãnh đạo thực hiện tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026⁽⁴⁷⁾, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,97%.

- Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng, đóng góp vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, quyết

⁽⁴⁶⁾ Cơ quan điều tra thụ lý 13 vụ (tăng 08 vụ so với nhiệm kỳ 2015 - 2020); đã khởi tố 11 vụ/22 bị can phạm tội “Tham ô tài sản” và “Giả mạo trong công tác”, trong đó truy tố 10 vụ/21 bị can; xét xử 08 vụ/14 bị cáo về “Tham ô tài sản” và “Giả mạo trong công tác”.

⁽⁴⁷⁾ 06/06 đại biểu Quốc hội, 49/50 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 287/288 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, 2.720/2.734 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

định những vấn đề quan trọng của đất nước và của tỉnh Trà Vinh⁽⁴⁸⁾; hoạt động tiếp xúc cử tri được thực hiện chu đáo, dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật. Tăng cường giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội ở địa phương, qua giám sát đã kịp thời phản ánh, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

- Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương; công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ họp, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn được đổi mới, tập trung cao, đạt chất lượng, hiệu quả⁽⁴⁹⁾; công tác giám sát được tăng cường. Hình thức tiếp xúc cử tri được mở rộng, đa dạng đối tượng, giải quyết kịp thời kiến nghị của cử tri. Bộ máy quản lý nhà nước được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả, kịp thời kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện; tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định.

- Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo, trùng lặp và đùn đẩy trách nhiệm; công tác thanh tra, kiểm tra hành chính đối với các lĩnh vực, kiểm tra công vụ được tăng cường.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố; quan tâm xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật⁽⁵⁰⁾, thường xuyên phổ biến, giáo dục pháp luật⁽⁵¹⁾, hòa giải ở cơ sở⁽⁵²⁾; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm. Chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp ngày càng được nâng lên; phát hiện và kiến nghị khắc phục kịp thời tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp. Thực hiện tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác cải cách tư pháp tiếp tục có chuyển biến tích cực; các cơ quan tư pháp được sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả. Tiến độ và chất lượng giải quyết các loại án được nâng lên, tỷ lệ giải quyết từng loại án đạt tỷ lệ cao⁽⁵³⁾; tỷ lệ án hủy, án sửa giảm và dưới tỷ lệ cho phép (*dưới 1,5%*); Việc xác minh, phân loại điều kiện thi hành án cơ bản bảo đảm đúng theo quy định.

- Tăng cường công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp giải quyết kiến nghị, đề xuất của công dân và doanh nghiệp; giải quyết kịp thời những bức xúc của người dân⁽⁵⁴⁾, không để phát sinh tình huống phức tạp, “điểm nóng”; giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm túc; các vụ việc tồn

⁽⁴⁸⁾ Đã kiến nghị Quốc hội, các bộ, ngành Trung ương bổ sung “*dự án cầu Cổ Chiên 2 kết nối tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh*” vào danh mục nghị quyết đặc thù của Quốc hội; “*Phấn đấu xây dựng tỉnh Trà Vinh trở thành Trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước*” vào Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁽⁴⁹⁾ Trong nhiệm kỳ, tổ chức 16 kỳ họp của HĐND tỉnh, ban hành 289 Nghị quyết trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, an ninh - quốc phòng; xem xét và cho ý kiến 182 văn bản phát sinh giữa 2 kỳ họp.

⁽⁵⁰⁾ Toàn tỉnh có 283 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 282 báo cáo viên pháp luật cấp huyện và 1.470 tuyên truyền viên pháp luật cấp xã.

⁽⁵¹⁾ Tổ chức 86.108 cuộc tuyên truyền với 2.688.850 lượt người tham dự; tổ chức 237 cuộc thi tìm hiểu pháp luật, có 256.318 lượt người tham gia; phát hành 992.716 tài liệu tuyên truyền về phổ biến giáo dục pháp luật.

⁽⁵²⁾ Các Tổ hòa giải ở cơ sở tiếp nhận, hòa giải 4.608 vụ việc (trong đó hòa giải thành 3.982 vụ việc, đạt 86,41%).

⁽⁵³⁾ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Tòa án 02 cấp đã giải quyết 36.616/38.316 vụ việc, đạt 95,56%.

⁽⁵⁴⁾ Tiếp 13.125 lượt người với 12.808 vụ việc. Giải quyết khiếu nại, tố cáo cơ bản ổn định, tiếp nhận 6.896 đơn, giải quyết 4.332/4.453 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 97%.

động, phức tạp, kéo dài được tập trung kiểm tra, rà soát và chỉ đạo giải quyết đạt tỷ lệ cao; công khai thông tin đối với các trường hợp đã xử lý đúng pháp luật.

3. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước

- Tăng cường sự đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, huy động và phát huy sức mạnh của người dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; phát huy, thực hiện tốt phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” theo các loại hình dân chủ ở cơ sở và cụ thể hóa cơ chế “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*” các chương trình, chính sách, dự án, công trình thực hiện trên địa bàn; thực hiện tốt phương châm dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

- Chỉ đạo thực hiện kịp thời, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các tôn giáo⁽⁵⁵⁾. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I (2021 - 2025). Các lễ hội tín ngưỡng truyền thống và lễ trọng của tôn giáo diễn ra phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc và đúng pháp luật.

- Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” tại địa phương, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên, hội viên, người lao động và Nhân dân, tham gia giám sát và phản biện xã hội, làm tốt vai trò cầu nối giữa cấp ủy Đảng, chính quyền với Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị góp phần vào thành tựu chung của tỉnh.

III- PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Kinh tế

1.1. Tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

- Kinh tế của tỉnh nhanh chóng phục hồi và tiếp tục phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân 05 năm ước đạt 5,35%⁽⁵⁶⁾. Quy mô nền kinh tế tăng gấp 1,6 lần so với năm 2020. Thu nội địa tăng bình quân 5,89%/năm; tổng vốn đầu tư xã hội ước đạt 160.292 tỷ đồng, **đạt 100,18% Nghị quyết**, tăng 30% so với nhiệm kỳ trước và chiếm 37% GRDP. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được quan tâm, trong nhiệm kỳ đã thu hút được 05 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 8,5 triệu USD⁽⁵⁷⁾. Tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa 6.655 triệu USD; tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ ước đạt 263.057 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 14,28%/năm.

⁽⁵⁵⁾ Chương trình 135: Đầu tư xây dựng 49 công trình cơ sở hạ tầng; hỗ trợ 674 hộ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo... Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg: Hỗ trợ 46 hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở, số tiền 1.518 triệu đồng; cho vay vốn phát triển sản xuất 4.416 triệu đồng; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 717 hộ...

⁽⁵⁶⁾ Năm 2021 tăng trưởng âm 2,07%; năm 2022 tăng 4,73%; năm 2023 tăng 7,46%; năm 2024 tăng 10,04% và ước năm 2025 tăng 7,11%.

⁽⁵⁷⁾ Đến nay toàn tỉnh có 38 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 2,995 tỷ USD.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng công nghiệp - xây dựng - dịch vụ chiếm 73% GRDP⁽⁵⁸⁾. GRDP bình quân đầu người đến cuối năm 2025 ước đạt 101 triệu đồng/người/năm⁽⁵⁹⁾, tăng 40 triệu đồng/người/năm so với năm 2020.

- Chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế từng bước được nâng lên; nhiều doanh nghiệp đã tích cực đổi mới phương thức tổ chức quản lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao trình độ quản lý, tay nghề người lao động, năng suất lao động đạt 186 triệu đồng/lao động/năm⁽⁶⁰⁾.

1.2. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

- Chủ động khôi phục sản xuất sau giãn cách xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thích ứng với tình hình mới. Triển khai thực hiện, có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; giải ngân kịp thời 05 chương trình tín dụng chính sách xã hội; triển khai 04 dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng với số vốn 366 tỷ đồng, giải ngân 100%⁽⁶¹⁾.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người lao động⁽⁶²⁾ và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid-19 đạt nhiều kết quả.

2. Phát triển kinh tế biển

- Ban hành Chương trình phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁽⁶³⁾; xây dựng Phương án phát triển không gian biển và kinh tế biển, Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên vùng bờ tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào Quy hoạch tỉnh và Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh theo hướng bền vững đến năm 2030⁽⁶⁴⁾. Ưu tiên công tác rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch⁽⁶⁵⁾.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tổ chức lại sản xuất, tăng cường công tác quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện có hiệu quả một số chính sách phát triển kinh tế biển; đầu tư hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho sản

⁽⁵⁸⁾ Năm 2020 chiếm 68,38%.

⁽⁵⁹⁾ Đạt 101% Nghị quyết.

⁽⁶⁰⁾ Tăng 73,53 triệu đồng/lao động/năm so với năm 2020.

⁽⁶¹⁾ Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè; Đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Thị xã Duyên Hải; Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế cho 98 Trạm Y tế xã, tỉnh Trà Vinh; Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

⁽⁶²⁾ Đã cấp phát hỗ trợ cho 290.496 đối tượng, với tổng kinh phí 446.949.523.000 đồng, đạt 98,53% so với tổng số đối tượng được phê duyệt.

⁽⁶³⁾ Chương trình số 21-CTr/TU, ngày 11/11/2021; Chương trình hành động số 30-CTr/TU, ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁽⁶⁴⁾ Quyết định số 2378/QĐ-UBND, ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽⁶⁵⁾ Như: Xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng các khu vực như: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung các đô thị ven biển, quy hoạch chung khu kinh tế Định An, quy hoạch xây dựng các khu chức năng... phục vụ phát triển kinh tế biển.

xuất và khai thác thủy sản. Giá trị sản xuất/ha đất nuôi thủy sản đạt khoảng 540 triệu đồng/năm (*tăng hơn 200 triệu đồng so với năm 2020*). Bình quân, tổng sản lượng thủy sản đạt 233.600 tấn/năm, tăng gần 30.000 tấn so với bình quân giai đoạn 2016 - 2020.

- Du lịch biển được quan tâm⁽⁶⁶⁾. Tranh thủ các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế biển⁽⁶⁷⁾.

- Đổi mới công tác xúc tiến, thu hút đầu tư từ hình thức giới thiệu tiềm năng, nhu cầu đầu tư của tỉnh sang hình thức tìm hiểu nhu cầu của nhà đầu tư, giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, chính sách, ngành nghề, lĩnh vực và dự án kêu gọi đầu tư phát triển các ngành công nghiệp biển và ven biển tỉnh Trà Vinh. Từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã thu hút đầu tư được 85 dự án trong và ngoài nước⁽⁶⁸⁾.

- Triển khai thực hiện hiệu quả định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các chính sách ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo của Chính phủ; kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia (*Quy hoạch điện VIII*) và Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Cấp chủ trương đầu tư cho 09 dự án điện gió, với tổng công suất 666MW và 01 dự án điện sinh khối công suất 25MW; đến nay có 05 dự án điện gió với tổng công suất khoảng 322MW⁽⁶⁹⁾ đi vào vận hành thương mại; 01 Nhà máy điện mặt trời công suất 140MW và 1.149 hệ thống điện mặt trời mái nhà tổng công suất 35,5MW hoạt động ổn định; đang triển khai 04 dự án điện gió công suất 344MW.

3. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế

3.1. Phát triển nông nghiệp có giá trị gia tăng và lâm nghiệp

- Tập trung chuyển sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi⁽⁷⁰⁾, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, phát triển một số vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn⁽⁷¹⁾; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3,62%/năm.

⁽⁶⁶⁾ Từ năm 2021 đến nay, đầu tư 280 tỷ đồng cho hạ tầng giao thông phục vụ phát triển du lịch.

⁽⁶⁷⁾ Triển khai thi công tuyến đường số 05 và nâng cấp, sửa chữa tuyến số 01, tuyến số 02 Khu Kinh tế Định An; đường tỉnh 915B (*giai đoạn 2*); cầu Ba Động; đường dẫn vào cảng tổng hợp Định An; Xây dựng tuyến đường hành lang ven biển; cảng biển Định An; Nhà máy sản xuất Hydro xanh (công suất thiết kế: Khí Hydro 24.000 tấn/năm, Aminiác 182.500 tấn/năm, khí Oxy 195.000 tấn/năm).

⁽⁶⁸⁾ Trong đó: Có 05 dự án ngoài nước với tổng vốn đầu tư 8,5 triệu USD và 80 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 35.077,6 tỷ đồng⁽⁶⁸⁾. Tính đến nay, toàn tỉnh có 389 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 148.515,8 tỷ đồng và 2,995 tỷ USD.

⁽⁶⁹⁾ Nhà máy điện gió Đông Hải 1; Nhà máy điện gió Hàn Quốc - Trà Vinh; Nhà máy điện gió V1-2; Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh; Nhà máy điện gió số 3. 04 dự án còn lại với tổng công suất 344MW dự kiến đi vào hoạt động trong giai đoạn năm 2024 - 2025.

⁽⁷⁰⁾ Năm 2020 diện tích trồng lúa 205.114 ha, dự kiến năm 2025 là 199.500 ha (giảm 5.614 ha) để chuyển sang các loại cây trồng khác và nuôi thủy sản.

⁽⁷¹⁾ Toàn tỉnh có 31.809 ha diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chiếm 12,46% diện tích sản xuất; hình thành và duy trì vùng sản xuất lúa tập trung ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; các loại hoa màu chủ lực vùng sản xuất tập trung ở hầu hết các huyện, thị xã; cây ăn trái (cam sành, bưởi, xoài, nhãn, thanh long ruột đỏ) tập trung ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú; cây dừa tập trung ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh; giá trị sản xuất chiếm trên 77% giá trị lĩnh vực trồng trọt.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết và ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình sản xuất (GAP) ngày càng tăng. Năng lực khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ được nâng lên⁽⁷²⁾. Chuyển đổi nhanh các hình thức nuôi thủy sản sang nuôi thâm canh và thâm canh mật độ cao tăng gấp 3,94 lần⁽⁷³⁾ so với năm 2020, năng suất đạt từ 50-70 tấn/ha.

- Xây dựng và duy trì nhãn hiệu nông sản, mã số vùng trồng và sản phẩm OCOP được quan tâm thực hiện⁽⁷⁴⁾; các mô hình sản xuất có hiệu quả và mô hình hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị được nhân rộng; diện tích cây dứa tăng nhanh⁽⁷⁵⁾. Chăn nuôi đã từng bước chuyển đổi từ nhỏ lẻ sang nuôi tập trung, trang trại, an toàn dịch bệnh, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng⁽⁷⁶⁾, góp phần phòng, chống biến đổi khí hậu, bảo vệ ổn định môi trường sinh thái. Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 4,2% (đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết), tăng gần 0,19% so với năm 2020.

3.2. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới⁽⁷⁷⁾; kịp thời ban hành các quy định cụ thể Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường đầu tư và huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới⁽⁷⁸⁾, đến nay có 94,9% hộ, 99,8% ấp; 100% xã đạt nông thôn mới; 60% xã đạt nông thôn mới nâng cao; 10,6% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 100% đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới; 22,2% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 100% nội dung quy định về tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 được hoàn thành trong năm 2024.

3.3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Triển khai đồng bộ các giải pháp sản xuất thích ứng an toàn, linh hoạt và khôi phục sản xuất sau đại dịch Covid-19; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 5,23%/năm⁽⁷⁹⁾. Công nghiệp chế biến, chế tạo sớm thích ứng, phục hồi nhanh và tăng trưởng khá, phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng bình quân 4,71%/năm, chiếm 5,19% trong

⁽⁷²⁾ Tổ chức rà soát, đăng ký tàu cá. Đến nay toàn tỉnh có 1.179 tàu, tổng công suất 124.559 KW, dung tích 17.679 TĐK, có 248 tàu khai thác xa bờ (100% tàu cá khai thác xa bờ được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định).

⁽⁷³⁾ Năm 2020 diện tích nuôi tôm thâm canh mật độ cao là 635 ha, dự kiến năm 2025 là 2.500 ha.

⁽⁷⁴⁾ 70 nhãn hiệu nông sản, 99 mã số vùng trồng (trong đó có 10 mã số vùng trồng xuất khẩu, diện tích 1.391,61 ha và 19 mã số vùng trồng nội địa, diện tích 1.410,84 ha) và có 393 sản phẩm OCOP.

⁽⁷⁵⁾ 27.520 ha, tăng hơn 4.000 ha (so với năm 2019) và đứng thứ 02 cả nước. Trong đó, diện tích dứa hữu cơ và dứa sáp phát triển mạnh: Dứa hữu cơ 5.276,52 ha (tập trung ở các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Càng Long và thành phố Trà Vinh) và dứa sáp 1.277,6 ha (trong đó 31,3 ha dứa sáp phôi), tập trung tại 6 huyện, thành phố, nhưng chủ yếu vẫn là huyện Cầu Kè, chiếm 90,6%, (trong đó có 62,1 ha dứa sáp đạt tiêu chuẩn VietGAP).

⁽⁷⁶⁾ Trồng mới và trồng bổ sung 640 ha rừng tập trung và gần 01 triệu cây lâm nghiệp phân tán, nâng tổng diện tích rừng toàn tỉnh ước đạt 9.820 ha.

⁽⁷⁷⁾ Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 20/7/2021 về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

⁽⁷⁸⁾ Trên 11.875,88 tỷ đồng xây dựng nông thôn mới.

⁽⁷⁹⁾ Cả nhiệm kỳ ước đạt 183.122 tỷ đồng.

GRDP. Công nghiệp sản xuất và phân phối điện tiếp tục đóng vai trò chi phối, chiếm 57% tổng giá trị sản xuất toàn ngành, tốc độ tăng trưởng bình quân 5,53%/năm. Thực hiện có trọng tâm, trọng điểm các đề án khuyến công, hỗ trợ 39 đề án khuyến công, tổng kinh phí thực hiện trên 13,69 tỷ đồng. Quan tâm phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, đến nay có 149 loại sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt chứng nhận (*cấp huyện 77, cấp tỉnh 57, cấp khu vực 11, cấp quốc gia 4*).

3.4. Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển đô thị

Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị, phân bổ 20.690 tỷ đồng vốn đầu tư công để thực hiện các công trình, dự án; tỷ lệ giải ngân vốn hàng năm đạt khá cao⁽⁸⁰⁾.

- *Giao thông*: Phối hợp với Trung ương triển khai xây dựng Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (*giai đoạn 2*)⁽⁸¹⁾; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 53 đoạn Trà Vinh - Long Toàn, triển khai thi công cầu Đại Ngãi. Hoàn thành đưa vào sử dụng một số công trình giao thông quan trọng⁽⁸²⁾; hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất cây ăn trái tập trung cho huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, Đường kết nối Quốc lộ 53 với đường cây ăn trái...Quan tâm đầu tư phát triển giao thông nông thôn, 92,1% đường giao thông nông thôn được cứng hóa⁽⁸³⁾.

- *Hạ tầng thủy lợi*: Tiếp tục được quan tâm đầu tư cơ bản khép kín, phát huy hiệu quả ngăn mặn, trữ ngọt, bảo đảm nguồn nước tưới tiêu khoảng 90% diện tích đất nông nghiệp; khoảng 14.000 ha đất nuôi thủy sản. Đầu tư, nâng cấp các tuyến đê, các đoạn xung yếu chống sạt lở bờ sông, bờ biển⁽⁸⁴⁾.

- *Hạ tầng năng lượng*: Đầu tư, đưa vào vận hành Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 2, các đường dây và trạm biến áp truyền tải phân phối điện; triển khai dự án cấp điện nông thôn giai đoạn 2021 - 2025, phát triển hạ tầng lưới điện trung, hạ thế trên địa bàn 106 xã, phường, thị trấn⁽⁸⁵⁾ đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của người dân khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,8%, phát triển 02 kho xăng dầu với quy mô 2.600m³ đã đưa vào sử dụng.

- *Nước sinh hoạt*: Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn; đưa vào sử dụng 02 Nhà máy sản xuất nước sạch Láng Thè, Nguyệt Hóa, mỗi nhà máy có công suất 10.000m³/ngày đêm; tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch 99,5%, tăng 0,5% với năm 2020; tỷ lệ dân cư nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 99,9%, trong đó nước sạch đạt 85%.

- *Hạ tầng đô thị*: Hoàn thành quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn.

⁽⁸⁰⁾ Giải ngân đầu tư công bình quân hàng năm đạt tỷ lệ **95%** (*trong đó năm 2021 đạt 93,5%; năm 2022 đạt 94,8%; năm 2023 đạt 94,5%, năm 2024 đạt 97,1% và năm 2025 phấn đấu đạt 95%*).

⁽⁸¹⁾ Hoàn thành trong năm 2023.

⁽⁸²⁾ 25 công trình giao thông, tỉnh lộ 914, 915B (*giai đoạn 1*).

⁽⁸³⁾ 100% đường xã, 99,1% đường ấp, liên ấp, 90,3% đường ngõ xóm được cứng hóa; 79,2% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, bảo đảm yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

⁽⁸⁴⁾ Vốn đầu tư 1.170 tỷ, trong đó ngân sách Trung ương là 875 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 295 tỷ đồng.

⁽⁸⁵⁾ 617 km đường dây trung thế, 1.211 km đường dây hạ thế, tổng công suất 145,14 MVA.

Các tuyến giao thông chính, hệ thống điện, nước, mạng lưới viễn thông, công viên, cây xanh, vỉa hè tiếp tục được xây mới, cải tạo, mở rộng và nâng cấp; trên 90% tuyến đường, trên 50% tuyến hẻm, 100% các khu vực công cộng, công viên, khu vui chơi được chiếu sáng. Hoàn thiện các tiêu chí đô thị thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, thị trấn Tiểu Cần, Cầu Ngang, Càng Long mở rộng và các đô thị còn lại; điều chỉnh, lập mới 13/13 quy hoạch đô thị; tỷ lệ đô thị hóa đạt 37,48%.

- *Hạ tầng văn hóa - xã hội*: Các thiết chế văn hóa được quan tâm, bố trí ngân sách Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng mới Trung tâm Văn hóa tỉnh, 05 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn và 22 nhà văn hóa ấp, khóm. Xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh quy mô 900 giường và các trạm y tế xã, phường đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- *Hạ tầng viễn thông*: Hoạt động ổn định, thông suốt phục vụ kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu cầu của người dân; 100% xã, phường, thị trấn có hệ thống Internet băng rộng cáp quang; phủ sóng di động 3G, 4G, 5G. Toàn tỉnh hiện có 05 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và 01 doanh nghiệp truyền hình cáp sẵn sàng cung ứng đa dạng các dịch vụ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3.5. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

- Các loại hình dịch vụ hàng hóa, thương mại, điện tử... phát triển nhanh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 263.057 tỷ đồng, tăng bình quân 14,28%/năm. Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm, hàng hóa⁽⁸⁶⁾; nhiều mặt hàng, sản phẩm nông sản được kết nối, quảng bá tiêu thụ tại các thị trường lớn trong và ngoài nước; thương mại điện tử phát triển khá⁽⁸⁷⁾; công tác kiểm tra, kiểm soát, ổn định giá cả thị trường được tăng cường.

- Công tác xúc tiến, đầu tư phát triển du lịch được quan tâm. Hàng năm, tổ chức lễ hội gắn với kết nối phát triển du lịch, các hoạt động ẩm thực miền biển kết nối, mở rộng các tour, tuyến du lịch sinh thái ở các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh⁽⁸⁸⁾. Tổng doanh thu hoạt động du lịch ước đạt 7.143,775 tỷ đồng⁽⁸⁹⁾.

3.6. Tài chính, ngân hàng

⁽⁸⁶⁾ Tổ chức, tham gia 38 cuộc hội chợ, 15 phiên chợ hàng Việt về nông thôn, 02 cuộc Chợ khởi nghiệp, 27 cuộc kết nối cung cầu trong nước và ngoài nước; liên kết 15 sàn thương mại điện tử với các tỉnh, thành trong nước.

⁽⁸⁷⁾ Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 sàn thương mại điện tử, 48 website bán hàng, 85 thương nhân giao dịch thương mại điện tử đã được Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số phê duyệt. Tỉnh Trà Vinh có 01 sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh (<https://travinhtrade.vn/>): Đến nay có 208 doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử của tỉnh với 988 sản phẩm.

⁽⁸⁸⁾ Được công nhận 05 điểm du lịch cấp tỉnh; 06 điểm du lịch tiêu biểu đồng bằng sông Cửu Long, gồm: Điểm du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng Cồn Hò (xã Đức Mỹ, huyện Càng Long); Cồn Chim (xã Hòa Minh, huyện Châu Thành); Bảo tàng Văn hóa dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh (Phường 8, thành phố Trà Vinh); Khu Di tích lịch sử Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (xã Long Đức, thành phố Trà Vinh); Di tích danh thắng ao Bà Om (Phường 8, thành phố Trà Vinh) và điểm du lịch sinh thái Huỳnh Kha (Phường 4, thành phố Trà Vinh).

⁽⁸⁹⁾ Bình quân hàng năm lượt khách du lịch đến tỉnh ước đạt khoảng 6.921.500 lượt người, trong đó có 162.239 lượt khách quốc tế.

- Quản lý và điều hành, sử dụng ngân sách đi vào nền nếp, đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả. Tổng thu ngân sách⁽⁹⁰⁾ tăng bình quân 14%/năm, thu nội địa tăng bình quân 5,89%/năm. Tổng chi ngân sách địa phương tăng bình quân 2,6%/năm.

- Hoạt động tín dụng - ngân hàng tiếp tục phát triển, tín dụng tăng trưởng cao⁽⁹¹⁾; cơ cấu tín dụng tập trung phục vụ sản xuất kinh doanh, phục hồi sản xuất; thị trường vàng, ngoại tệ, tiền tệ được quản lý chặt chẽ, hoạt động ổn định; công tác xử lý nợ xấu, chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các tổ chức tín dụng được đẩy mạnh; bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán.

3.7. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp, kinh tế hợp tác

- Lãnh đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển; kịp thời triển khai các chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất thích ứng an toàn, linh hoạt gắn với chuyển đổi hộ kinh doanh, thành lập mới 2.450 doanh nghiệp⁽⁹²⁾. Chỉ đạo 02 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước⁽⁹³⁾ hoàn thành việc xây dựng Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp.

- Chú trọng chỉ đạo xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, đạt kết quả quan trọng, đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ, nâng cao năng lực xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực cho các đối tượng khởi nghiệp trẻ và cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên. Tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo⁽⁹⁴⁾; đã ươm tạo thành lập được 17 doanh nghiệp khởi nghiệp, đã có nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công⁽⁹⁵⁾.

- Triển khai thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025⁽⁹⁶⁾; chỉ đạo thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã⁽⁹⁷⁾.

3.8. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại

- Duy trì tốt quan hệ với các đối tác truyền thống và mở rộng các đối tác khác. Tổ chức các cuộc gặp mặt với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp Việt kiều và kiều bào tỉnh Trà Vinh về thăm quê hương; tổ chức các hoạt

⁽⁹⁰⁾ Bao gồm các khoản thu: Thu nội địa; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; thu viện trợ; thu huy động, đóng góp; thu từ quỹ dự trữ tài chính.

⁽⁹¹⁾ Phát hành là 912.550 thẻ ATM (tăng 81,77% so với năm 2020)... Ước dư nợ cho vay đến cuối năm 2025 đạt 56.500 tỷ đồng, tăng 93,63% so với năm 2020; tăng nợ xấu được duy trì dưới 3%.

⁽⁹²⁾ Trong đó năm 2021 là 369 doanh nghiệp, năm 2022 là 518 doanh nghiệp, năm 2023 là 522 doanh nghiệp, năm 2024 là 522 doanh nghiệp và dự kiến năm 2025 là 520 doanh nghiệp.

⁽⁹³⁾ Cty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Trà Vinh và Cty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh đã phê duyệt Đề án.

⁽⁹⁴⁾ Có 3.000 sản phẩm, ý tưởng, bài dự thi và hơn 17.000 lượt đại biểu tham dự.

⁽⁹⁵⁾ Như: Tập đoàn Mỹ Lan, Vicosap, Sokfarm Trà Vinh... đã phát triển hiệu quả nhiều sản phẩm chủ lực của tỉnh.

⁽⁹⁶⁾ Hợp tác xã Nông nghiệp Long Hiệp (huyện Trà Cú); Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Cần, Rạch Lọt (huyện Tiểu Cần); Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Mỹ Châu và Hợp tác xã Vận tải Phước Vinh (huyện Châu Thành).

⁽⁹⁷⁾ 349 tổ hợp tác, hợp tác xã. Tính đến nay toàn tỉnh có 01 liên hiệp hợp tác xã và 174 hợp tác xã, 1.655 tổ hợp tác đang hoạt động.

động giao lưu văn hóa và hợp tác giữa các tổ chức hữu nghị; kịp thời cung cấp thông tin thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP,...); hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh mở rộng thị trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh và đầu tư tại thị trường trong và ngoài nước. Quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả⁽⁹⁸⁾.

- Thu hút đầu tư nước ngoài được quan tâm⁽⁹⁹⁾. Quan tâm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động; tổ chức các hoạt động đối thoại, họp mặt với các doanh nghiệp, nhà đầu tư, khiếu nại hàng năm, qua đó nắm bắt và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình hoạt động.

4. Phát triển giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người

- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được triển khai tích cực; 100% cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Quan tâm chỉ đạo phát triển giáo dục và đào tạo. Mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất giáo dục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa gắn với nâng cao chất lượng giáo dục⁽¹⁰⁰⁾. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên được chuẩn hóa và nâng chuẩn bảo đảm đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định; tỷ lệ huy động trẻ đến trường hàng năm tăng, tỷ lệ học sinh đi học tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99,8%, tỷ lệ học sinh bỏ học được kéo giảm⁽¹⁰¹⁾; 100% huyện, thị xã, thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập mầm non trẻ 05 tuổi, phổ cập xóa mù chữ đạt mức 2, phổ cập giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở đạt mức 3. Xã hội hóa giáo dục được khuyến khích⁽¹⁰²⁾; hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai rộng khắp...

- Trường Đại học Trà Vinh tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, nằm trong Top 200 trường Đại học xanh, Top 100 trường Đại học có ảnh hưởng và đóng góp tích cực cho xã hội, chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đa ngành, đa cấp độ và đa loại hình⁽¹⁰³⁾ góp phần đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của khu vực và cả nước, 80 - 90% sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp. Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đưa vào danh sách các trường công lập đào tạo các ngành nghề trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế biển, được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trên 90% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp. Trường Cao đẳng Y tế từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng

⁽⁹⁸⁾ Tổng nguồn vốn ODA trong nhiệm kỳ 540,911 tỷ đồng, phân bổ cho 06 dự án, đưa vào sử dụng 05 dự án, 01 dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030.

⁽⁹⁹⁾ Tổ chức 02 đoàn xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản, Đài Loan; đã thu hút được 05 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 8,5 triệu USD, đến nay toàn tỉnh có 38 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 2,995 tỷ USD.

⁽¹⁰⁰⁾ Toàn tỉnh có 201/400 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, đạt tỉ lệ 50,12% (tăng 63 trường so nghị quyết Đại hội XI). Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 95,87%.

⁽¹⁰¹⁾ Năm học 2021 - 2022 là 0,83%, giảm còn 0,44% năm học 2023 - 2024.

⁽¹⁰²⁾ Hiện có 19 trường tư thục, với 220 lớp, có 444 giáo viên, nhân viên.

⁽¹⁰³⁾ Gồm: 52 ngành bậc Đại học; 22 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ; 10 mã ngành chuyên khoa cấp I, II; 10 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, theo định hướng các tiêu chuẩn giáo dục quốc tế. Bốn năm liền Trường Đại học Trà Vinh lọt Top 200 Đại học xanh, phát triển bền vững và có nhiều đóng góp cho xã hội (UI Greenmetric World University Rankings xếp hạng).

giảng dạy, mở rộng phạm vi đào tạo⁽¹⁰⁴⁾, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

5. Phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Hoạt động khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ có nhiều tiến bộ, chuyển biến tích cực⁽¹⁰⁵⁾. Tạo lập, quản lý, quảng bá và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Trà Vinh” cho lúa gạo và các sản phẩm chế biến từ lúa gạo của tỉnh⁽¹⁰⁶⁾; xác lập 12 quyền sở hữu công nghiệp⁽¹⁰⁷⁾ và 40 nhãn hiệu độc quyền đối với các sản phẩm gắn với Chương trình OCOP. Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, năng lượng nguyên tử được quan tâm⁽¹⁰⁸⁾; quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường⁽¹⁰⁹⁾.

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực hoạt động khoa học công nghệ⁽¹¹⁰⁾. Kết quả thực hiện Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) có nhiều chuyển biến tích cực⁽¹¹¹⁾.

6. Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao

- Tập trung thực hiện Kết luận của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, tạo sự thay đổi tích cực trong hoạt động văn hóa của tỉnh. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao có sự chuyển biến tích cực, chất lượng ngày càng được nâng cao với nhiều hoạt động đa dạng, phong phú, phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ, sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân⁽¹¹²⁾.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh⁽¹¹³⁾; các di sản văn hóa tiếp tục được kế thừa, bảo tồn và phát huy⁽¹¹⁴⁾. Hoạt

⁽¹⁰⁴⁾ Tổ chức tư vấn, tuyển sinh 1.849 sinh viên (đạt 102,7% kế hoạch); có 1.508 sinh viên tốt nghiệp (đạt 100%.); tổ chức đào tạo theo địa chỉ cho 2.793 học viên là cán bộ y tế trong tỉnh và liên kết với các trường cao đẳng, đại học khác để đào tạo nâng cao trình độ cho 911 sinh viên là cán bộ y, dược ở trong và ngoài tỉnh; đưa 34 học viên đào tạo và đưa đi hợp tác lao động làm việc tại Nhật Bản.

⁽¹⁰⁵⁾ Triển khai 103 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó, nghiệm thu 39 đề tài, chuyển giao, ứng dụng 34/39 đề tài vào công tác chăm sóc sức khỏe, quản lý, sản xuất, kinh doanh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; 25 nhiệm vụ sở hữu trí tuệ, phù hợp với xu thế hội nhập.

⁽¹⁰⁶⁾ Có 20 Nhãn hiệu chứng nhận và 05 Chỉ dẫn địa lý (Dừa sáp Trà Vinh, Đậu phộng Trà Vinh, Dưa hấu Trà Vinh, Cua biển Trà Vinh, Măng cụt Cầu Kè).

⁽¹⁰⁷⁾ Tôm Trà Vinh, Cua Trà Vinh, Lúa gạo hữu cơ Trà Vinh, Tôm hữu cơ Long Hòa - Hòa Minh, Thanh Long Trà Vinh, Bưởi Trà Vinh, Yến sào Trà Vinh, Lát Trà Vinh, Hành Tím Duyên Hải - Trà Vinh, Xoài Trà Vinh, Nghêu Trà Vinh, Nhãn hiệu chứng nhận giống dừa sáp Trà Vinh và nhãn hiệu chứng nhận cơm dừa sáp Trà Vinh.

⁽¹⁰⁸⁾ Cấp 91 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, cấp 34 chứng chỉ nhân viên bức xạ.

⁽¹⁰⁹⁾ 100% cơ quan hành chính 3 cấp thực hiện ISO.

⁽¹¹⁰⁾ Toàn tỉnh có 893 người hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó nữ là 520 người chiếm tỷ lệ 58,23%; dân tộc thiểu số 128 người, chiếm tỷ lệ 14,33%.

⁽¹¹¹⁾ Theo kết quả công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ: **Năm 2023**, tỉnh Trà Vinh đạt 34,94 điểm, xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 8/13 trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long; **năm 2024**, tỉnh Trà Vinh đạt 32,04 điểm, xếp hạng 44/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 9/13 trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

⁽¹¹²⁾ Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (5/1992 - 5/2022); Festival 100 năm dừa sáp Trà Vinh (1924 - 2024); Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh được tổ chức hằng năm; Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc; Tuần Văn hóa Campuchia tại Trà Vinh; Khởi động công trình văn hóa, du lịch Khu lưu niệm Cố Soạn giả - Nghệ sĩ Nhân dân Viễn Châu; Chương trình nghệ thuật kỷ niệm 100 năm ngày sinh cố Soạn giả - Nghệ sĩ Nhân dân Viễn Châu.

⁽¹¹³⁾ Toàn tỉnh có 271.230/280.280 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa; 748/755 ấp, khóm văn hóa; 85/85 xã văn hóa nông thôn mới; 21/21 phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đạt nhiều thành tích nổi bật⁽¹¹⁵⁾. Lĩnh vực văn học nghệ thuật có nhiều tiến bộ⁽¹¹⁶⁾, từng bước phát huy chức năng trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong xu thế hội nhập và phát triển.

- Lĩnh vực thể dục thể thao được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực⁽¹¹⁷⁾. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”⁽¹¹⁸⁾. Công tác giáo dục thể chất nội khóa, ngoại khóa trong nhà trường được quan tâm.

7. Phát triển thông tin và truyền thông

- Công tác quản lý, định hướng thông tin, tư tưởng cho báo chí, truyền thông từng bước được nâng lên; chỉ đạo nâng cao chất lượng nội dung, hình thức chuyên tải nội dung của Báo Trà Vinh; các kênh I và II của Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, thực hiện nhiều chuyên mục đa dạng, phong phú, kịp thời thông tin, tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội, Nghị quyết của Đảng, các sự kiện chính trị, hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp. Chủ động cung cấp thông tin để nhân dân hiểu rõ, đúng và đầy đủ về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân. Công tác quản lý báo chí, xuất bản, an ninh mạng được quan tâm đúng mức. Hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở, các đài, trạm truyền thanh huyện, các xã, phường, thị trấn được tăng cường.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, hoàn thành đưa vào sử dụng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; vận hành, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu⁽¹¹⁹⁾, hệ thống Quản lý văn bản và điều hành iOffice⁽¹²⁰⁾. Hệ thống theo dõi nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chính quyền số; công tác chuyển đổi số quốc gia được quan tâm⁽¹²¹⁾.

8. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số và phát triển; bình đẳng giới, gia đình và trẻ em

⁽¹¹⁴⁾ Công nhận 01 Bảo vật Quốc gia; 03 di sản văn hóa được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; xếp hạng 01 di tích cấp quốc gia; 10 di tích cấp tỉnh. Toàn tỉnh hiện có: 02 Bảo vật Quốc gia, 08 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó, có 01 di sản được UNESCO công nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (*Nghệ thuật “Đờn ca tài tử Nam bộ”*); 16 di tích cấp Quốc gia và 41 di tích cấp tỉnh.

⁽¹¹⁵⁾ Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh tham gia 11 cuộc Liên hoan, Hội thi cấp khu vực và toàn quốc. Kết quả 10 HCV, 21 HCB, 02 HCD, 05 Bằng khen, 07 giải Nhất, 04 giải Nhì, 02 giải Ba.

⁽¹¹⁶⁾ Tỉnh ủy tổ chức kỷ niệm 80 năm ra đời “*Đề cương văn hóa Việt Nam*” (1943 - 2023); Đêm thơ Nguyên tiêu; Triển lãm tranh mỹ thuật và ảnh nghệ thuật (tổ chức hằng năm); đăng cai tổ chức Liên hoan ảnh nghệ thuật đồng bằng sông Cửu Long lần thứ 37; đăng cai Triển lãm Mỹ thuật đồng bằng sông Cửu Long lần thứ 28; xuất bản Tạp chí Văn nghệ Trà Vinh (06 số mỗi năm); Tạp chí Văn Nghệ Trà Vinh chữ Khmer (04 số/năm)...

⁽¹¹⁷⁾ Tổ chức thành công Đại hội TDTT tỉnh Trà Vinh lần thứ VII; 72 giải vô địch tỉnh; tham gia thi đấu 132 giải khu vực, toàn quốc và quốc tế, đạt 550 huy chương các loại (143 HCV, 159 HCB, 248 HCD), chiếm tỷ lệ 125,7% so với chỉ tiêu đề ra.

⁽¹¹⁸⁾ Đến năm 2025 tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 39% và gia đình thể thao 27%.

⁽¹¹⁹⁾ Cơ sở dữ liệu người dùng trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (gồm hộ kinh doanh, hợp tác xã); cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính; cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức; cơ sở dữ liệu đoàn viên, hội viên; cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật; cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; cơ sở dữ liệu về kinh tế - xã hội của tỉnh

⁽¹²⁰⁾ Đã triển khai áp dụng cho 577 cơ quan (cấp tỉnh 139, cấp huyện 332, cấp xã 106).

⁽¹²¹⁾ Chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2022 tăng 09 bậc so với năm 2020.

- Mạng lưới khám, chữa bệnh được đầu tư mở rộng, cơ sở vật chất y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu; xã hội hóa lĩnh vực y tế có nhiều chuyển biến⁽¹²²⁾, từng bước nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân, đạt 30 giường bệnh/vạn dân, 10 bác sĩ/vạn dân. Công tác y tế dự phòng tiếp tục được quan tâm; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19; chủ động phát hiện, kiểm soát các loại bệnh, không để lây lan trên diện rộng. Bước đầu triển khai công tác chuyển đổi số trong công tác khám, chữa bệnh giúp người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh.

- Tuyên truyền, vận động và thực hiện tốt các chính sách đối với các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội⁽¹²³⁾. Thực hiện tốt chính sách dân số, duy trì mức tăng dân số hợp lý, tỷ lệ tăng dân số bình quân 1,0%/năm; quan tâm công tác chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi⁽¹²⁴⁾; 93/106 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; kéo giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 4%; trên 95% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ được quan tâm, tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý và chất lượng nguồn nhân lực nữ được nâng lên⁽¹²⁵⁾. Công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống gia đình được triển khai, thực hiện có hiệu quả.

9. Lao động, việc làm, thực hiện các chính sách xã hội và an sinh xã hội

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp⁽¹²⁶⁾ đã đào tạo 8.822 người⁽¹²⁷⁾, chất lượng đào tạo nghề tiếp tục được nâng cao, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,02%; trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36,2%; tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt 67%, góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh⁽¹²⁸⁾. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động trong nước và đưa người lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài⁽¹²⁹⁾ được triển khai hiệu quả. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị chiếm 2%. Tỷ trọng lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 28,89%, trong công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 71,11%.

- Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025⁽¹³⁰⁾. Thực hiện đầy đủ các chính sách bảo trợ xã hội, chính

⁽¹²²⁾ Toàn tỉnh có 115 cơ sở khám, chữa bệnh công lập (tuyển tỉnh 6 cơ sở; tuyển huyện 09 cơ sở và tuyển xã, phường, thị trấn 100 cơ sở) và 10 cơ sở y tế tư nhân (01 Bệnh viện Đa khoa tư nhân Minh Tâm, 01 Bệnh viện Đa khoa tư nhân Thiên Ân và 08 Phòng khám Đa khoa tư nhân).

⁽¹²³⁾ Đến cuối năm 2025 ước tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95,1%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội chiếm 30,81% lực lượng lao động trong độ tuổi, bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm 5% lực lượng lao động.

⁽¹²⁴⁾ Tuổi thọ bình quân năm 2024 đạt 75 năm.

⁽¹²⁵⁾ Đào tạo Cao cấp lý luận chính trị 397 đồng chí (*cán bộ nữ 147 đồng chí*); Trung cấp lý luận chính trị 1.651 đồng chí (*cán bộ nữ 720 đồng chí*); Sơ cấp lý luận chính trị 1.395 đồng chí (*cán bộ nữ 763 đồng chí*).

⁽¹²⁶⁾ Toàn tỉnh có 18 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 20 cơ sở sản xuất tham gia hoạt động đào tạo nghề.

⁽¹²⁷⁾ Trình độ cao đẳng 4.693 sinh viên, trình độ trung cấp 3.557 học sinh; đào tạo ngắn hạn và các trình độ nghề nghiệp khác 80.572 lao động.

⁽¹²⁸⁾ Năng suất lao động xã hội của tỉnh đạt qua các năm 2020; 2021; 2022 và 2023 lần lượt là: 113,3 ; 124,3; 136,4 và 156,6 triệu đồng/lao động.

⁽¹²⁹⁾ Tạo việc làm mới cho 118.014 lao động; đưa 4.799 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

⁽¹³⁰⁾ Đến cuối năm 2024, toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo còn 0,87%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer chiếm 1,46%; tỷ lệ hộ cận nghèo còn 1,84%, trong đó tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc khmer chiếm 3,27%.

sách đối với người có công với cách mạng, người dân các xã an toàn khu, vùng an toàn khu⁽¹³¹⁾, nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội⁽¹³²⁾. Hoàn thành hỗ trợ 3.506 căn nhà cho các hộ khó khăn về nhà ở từ quỹ an sinh xã hội và quỹ vì người nghèo; 1.300 căn nhà do Bộ Công an vận động và nguồn đối ứng của tỉnh. Thực hiện tốt công tác trợ giúp, tư vấn pháp lý⁽¹³³⁾. Đẩy mạnh thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ cho người nghèo bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh mua bảo hiểm y tế...

10. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Công tác quản lý đất đai, việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đúng quy định, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh được tăng cường, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh⁽¹³⁴⁾. Công tác quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản bảo đảm đúng theo quy định. Triển khai điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển⁽¹³⁵⁾.

- Chỉ đạo hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; thực hiện các giải pháp quản lý, xử lý chất thải, cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường⁽¹³⁶⁾; thu, gom, xử lý chất thải được tập trung thực hiện, trong đó thu gom và xử lý chất thải nguy hại 99,5%, chất thải rắn y tế 100%; chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên 99,7%, tại khu vực nông thôn trên 94%. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%. Tăng cường kiểm tra, thanh tra cơ sở gây ô nhiễm môi trường⁽¹³⁷⁾.

11. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo

⁽¹³¹⁾ Đến nay, toàn tỉnh có 01 Vùng An toàn khu (huyện Càng Long) và 29 xã An toàn khu: Ninh Thới, An Phú Tân, Tam Ngãi, Thông Hòa, Phong Thạnh, Thạnh Phú (huyện Cầu Kè), Tập Ngãi, Ngãi Hùng, Hùng Hòa, Tân Hùng, Tân hòa (huyện Tiểu Cần), An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh, Định An, Hàm Tân, Phước Hưng, Tân Sơn, Tập Sơn (huyện Trà Cú), Đức Mỹ, An Trường, An Trường A, Đại Phúc, Đại Phước, Nhị Long, Nhị Long Phú (Càng Long), Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam (huyện Cầu Ngang), Long Vĩnh (huyện Duyên Hải), Trường Long Hòa (Thị xã Duyên Hải).

⁽¹³²⁾ Đã xuất nguồn an sinh xã hội tỉnh hỗ trợ cho 42.243 đối tượng Bảo trợ xã hội đơn thân không người chăm sóc với tổng số tiền 23.338.500.000 đồng.

⁽¹³³⁾ Đã trợ giúp pháp lý 769 trường hợp, tư vấn pháp luật cho 11.575 lượt người.

⁽¹³⁴⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 29-CT/TU, ngày 19/10/2022 “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh”; Chương trình số 31-CTr/TU, ngày 01/7/2022 “về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”...

⁽¹³⁵⁾ Hoàn thành các dự án: Bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên giữa các hệ sinh thái trên đất liền và biển; Điều tra, nghiên cứu, lập bản đồ tọa độ các khu vực an toàn trên biển, các khu vực tránh sóng, tránh bão khu vực biển tỉnh Trà Vinh.

⁽¹³⁶⁾ Đầu tư 21 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục (03 trạm không khí, 02 trạm nước biển và 16 trạm nước mặt) và 01 Trung tâm điều hành.

⁽¹³⁷⁾ Thanh tra, kiểm tra 82 cuộc về tài nguyên, môi trường đối với 162 tổ chức và 23 cá nhân.

Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030⁽¹³⁸⁾. Các chương trình, chính sách, dự án trong vùng đồng bào dân tộc được triển khai thực hiện có hiệu quả; kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được quan tâm, tập trung đầu tư; đã kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 1,46% so với hộ dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh; 100% xã trong vùng dân tộc thiểu số có trường mẫu giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học ở các trường được đầu tư xây dựng khang trang; thành lập Trường Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ và Nhân văn thuộc Trường Đại học Trà Vinh; con em người dân tộc Khmer được đào tạo đạt trình độ ngày càng cao cả về song ngữ lẫn ngoại ngữ và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khác, đã nâng cao trình độ trí thức và đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của cơ quan nhà nước và tổ chức ngoài nhà nước; bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy, toàn tỉnh có 22 di tích của dân tộc Khmer, 04 di tích của dân tộc Hoa, các hoạt động lễ hội của đồng bào dân tộc được chỉ đạo tổ chức theo phong tục tập quán và đúng quy định của pháp luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường⁽¹³⁹⁾. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, sống tốt đời, đẹp đạo⁽¹⁴⁰⁾, phát huy hiệu quả nguồn lực trong tôn giáo. Các tôn giáo chấp hành nghiêm quy định pháp luật và tham gia và tham gia các hoạt động thiện nguyện, góp phần làm tốt công tác an sinh xã hội ở địa phương⁽¹⁴¹⁾.

IV- QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Tăng cường quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Lãnh đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc⁽¹⁴²⁾; quan tâm xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh⁽¹⁴³⁾. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh, tuyển quân, tuyển sinh quân sự hàng năm đều đạt chỉ tiêu, chất lượng được nâng lên⁽¹⁴⁴⁾. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, huyện, xã đạt yêu cầu, bảo đảm an toàn tuyệt đối⁽¹⁴⁵⁾.

- Nâng cao chất lượng, nắm chắc tình hình; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Phát hiện, xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị của tỉnh. Đấu

⁽¹³⁸⁾ Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy.

⁽¹³⁹⁾ Tổ chức 18 cuộc với 1.976 lượt người tham dự.

⁽¹⁴⁰⁾ Thành lập mới 07 cơ sở tôn giáo, di dời 02 cơ sở tôn giáo, cấp phép 08 điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung; cấp phép xây dựng 30 công trình tôn giáo; giao đất, gia hạn đất nông nghiệp cho 25 cơ sở tôn giáo...

⁽¹⁴¹⁾ Xây dựng cầu đường giao thông nông thôn; trao tặng nhà nhân ái, nhà đại đoàn kết; thành lập bếp ăn từ thiện tại các bệnh viện; hỗ trợ mổ mắt, mổ tim miễn phí cho bệnh nhân nghèo... với số tiền ước tính trên 450 tỷ đồng.

⁽¹⁴²⁾ Đầu tư trên 669,72 tỷ đồng cho xây dựng và hoạt động của Khu vực phòng thủ.

⁽¹⁴³⁾ Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh đạt 100%.

⁽¹⁴⁴⁾ Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho 6.846 cán bộ, đảng viên; 367 chức sắc, chức việc các tôn giáo; giáo dục cho 165.373 học sinh, sinh viên và trên 1.000 công nhân. Tuyển, giao 4.656/4.656 công dân lên đường nhập ngũ.

⁽¹⁴⁵⁾ Tổ chức 01 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh; 02 cuộc diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; 07 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện và 107 cuộc diễn tập cấp xã.

tranh phòng, chống, xử lý các loại tội phạm, tệ nạn xã hội có hiệu quả. Mở nhiều đợt tấn công, trấn áp các loại tội phạm, triệt phá các tụ điểm tệ nạn xã hội, tội phạm ma túy, xử lý nghiêm tội phạm kinh tế và tham nhũng⁽¹⁴⁶⁾ Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được triển khai thực hiện tốt, kéo giảm cả 03 tiêu chí. Quan tâm xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn vững mạnh về an ninh trật tự...⁽¹⁴⁷⁾ Hoàn thành đề án đưa công an chính quy về 100% xã, phường, thị trấn. Qua đó, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới; vận động nhân dân làm thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử và căn cước công dân kèm định danh điện tử, góp phần thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ⁽¹⁴⁸⁾. Định kỳ hàng năm, tổ chức tốt diễn đàn “*Công an lắng nghe ý kiến của Nhân dân*”, qua đó đã góp phần phát huy vai trò tích cực, quyền làm chủ của Nhân dân trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

2. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại

- Chỉ đạo tăng cường kết nối, trao đổi thông tin với đối tác; xúc tiến, quảng bá hình ảnh Trà Vinh giới thiệu tiềm năng thu hút đầu tư của tỉnh đến với bạn bè quốc tế⁽¹⁴⁹⁾. Triển khai các thỏa thuận hợp tác với tỉnh kết nghĩa Battambang (Vương quốc Campuchia). Thông tin đối ngoại bước đầu có đổi mới, đa dạng về nội dung, hình thức để thu hút đầu tư. Trường Đại học Trà Vinh ký kết 37 thỏa thuận hợp tác quốc tế với đa dạng các lĩnh vực hợp tác, thực hiện tốt vai trò cầu nối, cửa ngõ của tỉnh ra thế giới. Phối hợp tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa và hợp tác giữa các tổ chức hữu nghị; kịp thời cung cấp thông tin thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ hoạt động⁽¹⁵⁰⁾, bảo đảm tuân thủ pháp luật Việt Nam và các quy định liên quan tại địa phương. Các chương trình, dự án được triển khai đúng theo lĩnh vực hoạt động đã đăng ký; lịch trình và kế hoạch của chương trình, dự án. Việc thẩm định, tiếp nhận vốn viện trợ, bố trí vốn đối ứng, quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ đúng quy định.

- Chủ động hợp tác hiệu quả, liên kết phát triển với các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, 04 tỉnh duyên hải phía Đông đồng bằng

⁽¹⁴⁶⁾ Điều tra làm rõ 1.405/1.515 vụ phạm tội về trật tự xã hội (*đạt tỷ lệ 92%*); khởi tố 77 vụ, 99 bị can phạm tội về trật tự quản lý kinh tế; khởi tố 08 vụ, 17 bị can phạm tội về tham nhũng; khởi tố 409 vụ, 627 đối tượng phạm tội về ma túy... kết quả chỉ số thành phần trong PCI, tình hình an ninh trật tự của Công an Trà Vinh được đánh giá tốt nhất cả nước (*tăng 47 hạng, xếp hạng 1 toàn quốc*).

⁽¹⁴⁷⁾ Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 98%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 90%.

⁽¹⁴⁸⁾ Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022.

⁽¹⁴⁹⁾ Có 23 tổ chức phi chính phủ nước ngoài cam kết thực hiện 58 chương trình, dự án với nguồn vốn cam kết tài trợ là 66,56 tỷ đồng, giá trị giải ngân là 58,37 tỷ đồng.

⁽¹⁵⁰⁾ Toàn tỉnh có 22 tổ chức phi chính phủ đang hoạt động.

sông Cửu Long (*Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long*), Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long.

C. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

I- ƯU ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Ưu điểm

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh luôn đoàn kết, thống nhất, quyết tâm cao, bám sát phương châm hành động “*Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển*”, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động, quyết liệt, linh hoạt thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ hằng năm. Qua đó, tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực; ước đến năm 2025 có **18/23** chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đạt và vượt.

- Tỉnh ủy luôn quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, thường xuyên làm việc với Ban Thường vụ cấp ủy cấp dưới để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc...; tăng cường giữ mối liên hệ với các bộ, ngành Trung ương, bám sát chủ trương, định hướng của Đảng và nhà nước.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy được chú trọng thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ; vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu được phát huy, quyết liệt, sâu sát, tập trung giải quyết vấn đề ngay từ cơ sở, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên; các mặt công tác xây dựng đảng được triển khai đồng bộ, hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh tiếp tục được đổi mới, hiệu quả. Cơ cấu tổ chức, bộ máy Ủy ban nhân dân các cấp được củng cố, kiện toàn, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên. Các cơ quan tư pháp được sắp xếp, kiện toàn, hoạt động đúng tinh thần cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm và đạt nhiều kết quả.

- Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá thông qua các chương trình, nghị quyết, kế hoạch chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bước đầu đạt được một số kết quả quan trọng. Huy động nhiều nguồn lực, tiềm năng, tận dụng lợi thế, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các công trình, dự án quan trọng. Tập trung tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, thích

ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PGI.

- Kinh tế phục hồi và phát triển nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng trưởng qua từng năm phù hợp thực tế của tỉnh; GRDP bình quân đầu người, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá, thu hút được một số dự án đầu tư có quy mô lớn, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò là nền tảng, bệ đỡ của nền kinh tế tỉnh nhà; thế mạnh nuôi trồng thủy sản được phát huy, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả quan trọng. Thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển khá; năng lượng tái tạo được khai thác và phát huy hiệu quả. Hạ tầng kinh tế xã hội được quan tâm đầu tư.

- Lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, thể thao tiếp tục đạt nhiều kết quả tiên bộ. An sinh xã hội, phúc lợi xã hội, đời sống nhân dân được bảo đảm. Công tác giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với người có công, người có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai tích cực. Công tác nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật được tăng cường, các đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn, đóng góp tích cực vào sản xuất và đời sống. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu được quan tâm. Hoạt động văn hóa, thể thao gắn với xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được triển khai sâu rộng.

- Thế trận quốc phòng, an ninh được củng cố, vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc trong cán bộ, đảng viên, dân tộc, tôn giáo và nhân dân, không để xảy ra “điểm nóng”; xây dựng các công trình phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới.

2. Nguyên nhân ưu điểm

- Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước phù hợp, giữ vững ổn định và phát triển đất nước; thành tựu khoa học, công nghệ và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 được ứng dụng mạnh mẽ, thiết thực. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đảng bộ nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp, tạo điều kiện, giúp đỡ có hiệu quả của các ban, bộ, ngành Trung ương, của các tỉnh, thành bạn.

- Đảng bộ chú trọng kế thừa, sáng tạo, đột phá và phát huy thành tựu, kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước. Kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, cụ thể hóa có hiệu quả các chủ trương, Nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước; tập trung nhiều giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhất là 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng sát với tình hình thực tế của tỉnh. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo sự tập trung thống nhất, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, điều hành năng động và

quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong tỉnh.

- Sự đoàn kết thống nhất cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, hiệu quả, kịp thời của các cấp ủy, chính quyền các cấp, sự tham gia tích cực, có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong tỉnh và sự đồng thuận trong nhân dân.

- Phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, khai thác tiềm năng, khơi dậy khát vọng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đề cao trách nhiệm, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, tinh thần lao động tích cực, sáng tạo của nhân dân.

II- HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

1.1. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá và Phương châm hành động của Tỉnh ủy

1.1.1. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá

Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá còn một số mặt chưa đạt yêu cầu: Phát triển kinh tế biên, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, khả năng cạnh tranh trên thị trường chưa mạnh; chất lượng nguồn nhân lực còn mức độ chưa đảm bảo yêu cầu hội nhập; nhiều chỉ số cấp tỉnh được cải thiện nhưng thiếu tính bền vững. Cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa sát hợp với tình hình; phát huy tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực của một số địa phương hiệu quả còn thấp; phát triển quỹ đất sạch, giải phóng mặt bằng còn khó khăn. Cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính từng lúc, từng nơi còn chậm, hiệu quả chưa cao. Hiệu quả phối hợp nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế.

1.1.2. Trong lãnh đạo thực hiện Phương châm hành động của Tỉnh ủy “Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển”

- Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp, các ngành chưa thực sự phát huy tính tiên phong, gương mẫu, hành động chưa quyết liệt, thiếu quyết đoán trong chỉ đạo, điều hành, tác phong làm việc chưa khoa học.

- Một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và người lao động chậm đổi mới tư duy sáng tạo, hiệu quả công việc chưa đạt so với yêu cầu.

1.2. Trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

1.2.1. Lãnh đạo xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh

- Công tác tham mưu, năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương về lĩnh vực tổ chức xây dựng Đảng ở một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị từng lúc chưa kịp thời.

- Công tác tuyên truyền, định hướng tư tưởng, nắm bắt dư luận xã hội trước những sự kiện từng lúc chưa kịp thời. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu độc có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao.

- Công tác cán bộ có mặt thực hiện chưa tốt. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn hạn chế; nội dung sinh hoạt chi bộ tuy có đổi mới nhưng có mặt còn chậm; quản lý đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức, còn thiếu chặt chẽ; việc đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên một số nơi chưa đúng thực chất. Công tác đánh giá, nhận diện và đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống ở một số ít cấp ủy, tổ chức đảng từng lúc chưa thực hiện tốt; một số cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm không cao; thiếu gương mẫu trong rèn luyện đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật.

- Công tác tự kiểm tra chưa thực hiện thường xuyên; kiểm tra, giám sát từng lúc thiếu toàn diện, nhất là lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực như: Công trình, dự án, đất đai, tài chính...

- Công tác dân vận có nơi, có lúc còn hạn chế; việc nắm bắt, đánh giá, dự báo tình hình những vụ việc phát sinh, nhất là trên địa bàn đông đồng bào dân tộc, tôn giáo chưa sâu sát, kịp thời.

- Công tác vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và Nhân dân của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ở một số nơi còn hạn chế.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, vai trò của một số ít cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị từng lúc chưa sâu sát cơ sở. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với hệ thống chính trị ở một số nơi còn chậm đổi mới.

1.2.2. Lãnh đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, chất lượng cải cách tư pháp; quan tâm đối thoại, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

- Chất lượng xây dựng và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân từng lúc, từng nơi hiệu quả chưa cao.

- Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, cơ quan tư pháp có mặt đạt thấp.

- Chỉ số cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân và doanh nghiệp, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền điện tử chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo của công dân ở một số địa phương cơ quan, đơn vị chưa đảm bảo, một số vụ việc tồn đọng, kéo dài chưa được tập trung giải quyết dứt điểm.

- Thu hồi tài sản thất thoát, tiền sai phạm theo kết luận thanh tra một số vụ việc đạt tỷ lệ chưa cao và còn kéo dài. Tỷ lệ vụ án, tạm đình chỉ, trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn khá cao; còn xảy ra trường hợp các bản án, quyết định bị hủy, sửa, việc thi hành án có sai sót.

1.2.3. Lãnh đạo phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước

- Một số nơi chưa huy động và phát huy được sức mạnh tổng hợp các tổ chức thành viên tham gia hoạt động giám sát; việc xác định nội dung, đối tượng giám sát còn lúng túng. Hoạt động phản biện xã hội có mặt còn hạn chế; nội dung, phương pháp thực hiện thiếu trọng tâm, trọng điểm.

- Việc triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi còn chông chéo, hiệu quả phối hợp từng lúc chưa cao; việc xây dựng, phát triển các mô hình chưa mang tính bền vững. Phong trào thi đua “Đoàn kết sáng tạo”, “Dân vận khéo” và các phong trào thi đua yêu nước phát triển thiếu bền vững, chậm nhân rộng mô hình.

1.3. Về kinh tế, văn hóa - xã hội

1.3.1. Lãnh đạo phát triển kinh tế

- Kinh tế tăng trưởng nhưng thiếu bền vững và đạt thấp so với Nghị quyết; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, việc chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hóa còn hạn chế. Phát triển kinh tế nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, khả năng cạnh tranh trên thị trường chưa đáp ứng tốt yêu cầu⁽¹⁵¹⁾. Chưa có nhiều dự án, đề tài ứng dụng khoa học công nghệ đóng góp hiệu quả vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh; hàm lượng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các sản phẩm, dịch vụ của tỉnh còn mức thấp.

- Hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển chưa đảm bảo, chưa đóng góp tích cực vào khai thác tiềm năng lợi thế của tỉnh.

- Việc triển khai Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội và giải ngân 03 Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn còn những yếu tố thiếu bền vững, tăng trưởng thấp, chậm thích ứng biến đổi khí hậu, kinh tế hộ là chủ yếu, thị trường nông sản thiếu ổn định, sản phẩm làm ra chưa đạt chất lượng, liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị chưa đạt yêu cầu, trình độ lao động nông nghiệp chưa cao. Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn chậm, hiệu quả mang lại còn hạn chế. Công tác phòng, trị bệnh trên cây trồng, vật nuôi, khống chế dịch còn chậm. Ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản chưa được xử lý tốt; công tác xây dựng nông thôn mới có nơi thiếu tính bền vững.

- Phát triển công nghiệp thiếu đồng bộ; công nghiệp chế biến phát triển chậm, sức cạnh tranh thấp. Hạ tầng công nghiệp, năng lượng, logistics phát triển chưa đáp ứng yêu cầu; quy mô phát triển công nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, thiếu sản phẩm công nghiệp chủ lực, dẫn dắt phát triển kinh tế bền vững, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo. Một số dự án trọng điểm triển khai chậm so với tiến độ đăng ký. Giải ngân xây dựng cơ bản một số công trình, dự án

⁽¹⁵¹⁾ Báo cáo số 471-BC/TU, ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

còn khó khăn; tình trạng lãng phí các công trình, dự án kéo dài, chưa được giải quyết triệt để.

- Thị trường xuất khẩu sản phẩm chủ lực chưa nhiều, còn lệ thuộc một số thị trường truyền thống; thu hút đầu tư còn ít so với tiềm năng. Phát triển doanh nghiệp thiếu bền vững, số hợp tác xã hoạt động yếu kém, cầm chừng nhưng chưa giải thể.

- Chất lượng dịch vụ vẫn còn thấp; du lịch có phát triển nhưng chưa khai thác tốt hiệu quả tiềm năng.

- Môi trường đầu tư kinh doanh tuy được cải thiện nhưng còn chậm; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tuy có tiến bộ nhưng thiếu bền vững.

1.3.2. Về văn hóa - xã hội

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục phục vụ cho việc áp dụng chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chưa đáp ứng kịp thời.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với mức tỷ lệ chung vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước⁽¹⁵²⁾.

- Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ chưa được giải quyết dứt điểm. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, tư vấn tuyển sinh, đào tạo nghề lao động nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu. Đạo đức, lối sống, bạo lực học đường, ma túy, các trò chơi điện tử... trong các trường học có biểu hiện đáng lo ngại.

- Một số đề tài, dự án khoa học - công nghệ chỉ dừng ở việc nghiệm thu; quản lý nhà nước lĩnh vực đo lường và nghiên cứu ứng dụng khoa học vào thực tiễn còn hạn chế (phát triển giống, phát triển công nghệ sinh học...)

- Các thiết chế văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao. Môi trường văn hóa có những mặt chưa thật sự lành mạnh.

- Còn thiếu tác phẩm văn học - nghệ thuật xứng tầm, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Việc đầu tư kinh phí tu bổ, phục hồi di tích được xếp hạng còn hạn chế.

- Chuyển đổi số được triển khai thực hiện nhưng chưa toàn diện và hiệu quả chưa cao; nguy cơ mất an toàn thông tin trong chuyển đổi số còn ở mức cao; tình trạng lợi dụng mạng xã hội, công nghệ số vi phạm pháp luật ngày càng gia tăng, phổ biến; nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế...; hạ tầng viễn thông được quan tâm nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Nguồn lực y tế còn nhiều hạn chế; nhân lực ngành y tế chậm được bổ sung, quy hoạch, đào tạo chuyên sâu; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội thiếu bền vững; công tác y tế dự phòng còn yếu và thiếu nhân lực; thuốc chữa bệnh có lúc chưa đáp ứng kịp thời nhất là thuốc bảo hiểm y tế.

⁽¹⁵²⁾ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia bình quân Trà Vinh đạt 48,88%, đồng bằng sông Cửu Long 63,66%, cả nước đạt 59,5% (báo cáo tiến độ thực hiện việc rà soát đầu tư, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận và tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024 - 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Giải quyết việc làm đạt kết quả cao nhưng thiếu bền vững, một bộ phận đời sống nhân dân còn khó khăn.

- Công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường từng lúc chưa chặt chẽ, tình trạng người dân tái chiếm quỹ đất đã thu hồi, xây dựng nhà, công trình trái phép trên đất nông nghiệp, khai thác khoáng sản trái phép, xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được cấp thẩm quyền phê duyệt vẫn còn xảy ra.

- Việc thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt từng lúc, từng nơi chưa đảm bảo.

- Khai thác tài nguyên trái phép chưa được ngăn chặn triệt để; tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển xảy ra khá nghiêm trọng nhưng khả năng khắc phục chậm.

1.4. Lãnh đạo quốc phòng - an ninh, đối ngoại

- Việc quán triệt, triển khai các văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác quốc phòng, an ninh có nơi chưa toàn diện.

- Các thế lực thù địch móc nối với các đối tượng cực đoan, phản động tuyên truyền, xuyên tạc không đúng sự thật về “lịch sử vùng đất Tây Nam bộ” ngày càng công khai, thách thức và phức tạp hơn; tình trạng tranh chấp, khiếu kiện chầy lỳ, vượt cấp vẫn còn diễn ra; từng lúc, từng nơi một số loại tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm và tệ nạn xã hội (đánh bạc, ma túy) được phát hiện, xử lý nhiều, nhưng vẫn chưa được kiểm chế, kéo giảm; tai nạn giao thông xảy ra ở mức độ cao.

- Việc mở rộng hợp tác và thu hút đầu tư vào tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Nguồn lực phục vụ cho công tác đối ngoại chưa đáp ứng yêu cầu; đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại của tỉnh còn ít, chưa được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả thực hiện liên kết vùng còn hạn chế.

2. Nguyên nhân hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình an ninh chính trị, kinh tế thế giới và khu vực nhiều diễn biến phức tạp, kéo dài; đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Tình hình thời tiết, biến đổi khí hậu; giá cả thị trường không ổn định. Các dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 vừa qua đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, đời sống và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ; nguồn nhân lực chất lượng cao nhìn chung chưa nhiều.

- Một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ; một số cơ chế, chính sách còn bất cập chậm được sửa đổi, bổ sung.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với yêu cầu thực tiễn đổi mới, sáng tạo ở địa phương, đơn vị còn chậm.

- Năng lực và trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền trong chỉ đạo, điều hành có mặt còn lúng túng, chưa quyết liệt. Kỷ luật, kỷ cương hành chính, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, còn biểu hiện né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, làm chậm tiến độ thực hiện nhiệm vụ đã đề ra. Công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, quy hoạch thiếu kịp thời.

- Tổ chức chỉ đạo triển khai một số nghị quyết Hội đồng nhân dân, chính sách, chương trình mục tiêu liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân hiệu quả chưa cao.

- Năng lực, trách nhiệm một số cán bộ trong đó có cán bộ là người đứng đầu các ngành, các cấp còn hạn chế; thiếu cán bộ có năng lực chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tế, tham mưu giỏi; công tác chọn lọc, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, sáng tạo, tầm nhìn phát triển; việc đánh giá, quản lý, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc cán bộ thực thi công vụ từng lúc chưa nghiêm.

III- BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị phải được xem là nhiệm vụ then chốt, triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và công tác cán bộ gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giữ vững đoàn kết, thống nhất, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng; phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Chú trọng phát huy truyền thống “Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công” gắn với khơi dậy niềm tự hào về truyền thống văn hóa, ý chí vươn lên, tinh thần sáng tạo của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, để thực hiện khát vọng đột phá, phát triển.

2. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ có tầm nhìn, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; cán bộ, đảng viên phải thực hiện trách nhiệm nêu gương.

3. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch, giao nhiệm vụ rõ ràng cho từng cấp, từng ngành, rõ người, rõ việc, rõ thời gian hoàn thành; phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, tạo động lực cho phát triển kinh tế, xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

4. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”, Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo; góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội.

5. Nắm bắt thời cơ, khắc phục khó khăn; phát huy nội lực và tranh thủ tối đa ngoại lực để tạo động lực cho sự phát triển của địa phương; chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Trung ương, sự phối hợp đồng bộ của các bộ, ban, ngành Trung ương, của các tỉnh, thành bạn, cộng đồng doanh nghiệp và người dân để phát triển kinh tế - xã hội.

Phần thứ hai **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP** **NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

A- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

I- THUẬN LỢI

- Tình hình thế giới và khu vực dự báo có những mặt thuận lợi cơ bản, hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển vẫn là xu thế nổi trội; toàn cầu hóa, các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới được duy trì; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội cho các nước phát triển về khoa học và công nghệ. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á tiếp tục là trung tâm tăng trưởng năng động của thế giới. ASEAN tiếp tục tăng cường hợp tác, liên kết nội khối, nỗ lực khẳng định vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình.

- Nền kinh tế dự báo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được chú trọng. Nhiều công trình, dự án kết cấu hạ tầng chiến lược, quan trọng, nhất là các tuyến đường cao tốc, ven biển, liên vùng được đưa vào khai thác, mở ra không gian phát triển mới cho cả nước, các ngành, lĩnh vực, các vùng và địa phương. Các hoạt động đối ngoại, nhất là đối ngoại cấp cao, ngoại giao kinh tế tiếp tục được triển khai hiệu quả, thực chất; vị thế, uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên, tiếp tục mở ra các cơ hội phát triển mới cho đất nước. Đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, thịnh vượng theo ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”*.

- Trong tỉnh, các tiềm năng, lợi thế từng bước được khai thác và phát huy hiệu quả; Đảng bộ - Quân - Dân trong tỉnh có truyền thống đoàn kết, thống nhất, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên. Những thành tựu đạt được từ khi tái lập tỉnh, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và một số công trình trọng điểm của Trung ương sẽ tiếp tục được triển khai trên địa bàn tỉnh và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới, các hoạt động liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành trong khu vực được tăng cường là điều kiện thuận lợi để thực hiện thắng lợi chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra.

II- KHÓ KHĂN

- Tình hình thế giới, khu vực, tình hình Biển Đông dự báo sẽ đứng trước nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; xung đột, chiến tranh có thể diễn ra trên phạm vi rộng hơn, phức tạp hơn với nhiều hình thái và phương thức mới. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biên, đảo ở Biển

Đông có chiều hướng căng thẳng, phức tạp hơn, không loại trừ nguy cơ xảy ra xung đột, va chạm cục bộ. Thiên tai, dịch bệnh, bất ổn xã hội, an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường; hạn mặn, già hóa dân số, cạn kiệt tài nguyên, dịch bệnh... sẽ tác động đến tình hình trong nước, hoạt động và sản xuất kinh doanh dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

- Trong tình còn những khó khăn, thách thức: Tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân; kinh tế của tỉnh tăng trưởng **khá** nhưng chưa thật bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm; quy mô nền kinh tế, số lượng và chất lượng doanh nghiệp còn nhỏ và yếu, sức cạnh tranh thấp; tích lũy tái đầu tư còn hạn chế, nguồn lực huy động tại chỗ cho đầu tư phát triển chưa nhiều. Quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp từng lúc chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường; một số ngành công nghiệp chủ lực chưa phát triển tương xứng với tiềm năng. Số lượng, chất lượng doanh nghiệp nhỏ và yếu; đổi mới công nghệ chậm, sức cạnh tranh thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu. Các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, lãnh thổ gia tăng các hoạt động chống phá gây mất ổn định. Tội phạm công nghệ cao, tình hình trật tự, an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

B- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

I- QUAN ĐIỂM

(1) Tiếp tục đổi mới tư duy và tầm nhìn chiến lược, chủ động kiến tạo, đột phá phát triển, huy động tối đa các nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng kinh tế biển, năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh và văn hóa, du lịch. Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực dựa trên cơ sở nghiên cứu, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, xem đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

(2) Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh phải phù hợp chiến lược phát triển chung của cả nước và của vùng đồng bằng sông Cửu Long⁽¹⁵³⁾; phù hợp với quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050⁽¹⁵⁴⁾. Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, phải gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, phương châm hành động của Tỉnh ủy, khơi dậy và hiện thực hóa khát vọng phát triển.

(3) Khai thác mọi tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực cho phát triển; coi trọng quản lý phát triển

⁽¹⁵³⁾ Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng- an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

⁽¹⁵⁴⁾ Quyết định số 1142/QĐ-TTg, ngày 02/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

kinh tế - xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với kỷ luật, kỷ cương. Phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, giá trị văn hóa và con người Việt Nam, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nêu cao ý chí tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường, hào khí dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình, xây dựng đất nước phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh và hạnh phúc. Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là động lực, là mục tiêu của sự phát triển; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

(4) Phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ, hài hòa với bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, phát huy tối đa nguồn lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, là yếu tố quyết định; tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng, đột phá.

(5) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền; nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt đủ phẩm chất, năng lực, tầm nhìn, trách nhiệm, uy tín, gắn bó mật thiết với Nhân dân là nhân tố quyết định thành công khát vọng phát triển.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát giai đoạn 2025 - 2030

Tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh văn hóa, con người và khối đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; ưu tiên tập trung thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ vào sản xuất; phát triển kinh tế nông nghiệp chất lượng cao, chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông sản; phát triển công nghiệp nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường và lợi thế kinh tế biển; phát triển dịch vụ du lịch; phát triển văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, chăm lo phúc lợi xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hài hòa, bền vững theo hướng phân đầu xây dựng Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước; bảo đảm quốc phòng - an ninh và là tỉnh phát triển trung bình của cả nước.

2. Mục tiêu hướng đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2045

Trà Vinh trong nhóm các địa phương phát triển trên mức trung bình của cả nước, có trung tâm kinh tế biển hiện đại và trung tâm năng lượng sạch của vùng đồng bằng sông Cửu Long, thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối hiệu quả với vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm; người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

III- CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(1) Hàng năm có trên 95% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có 90% trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có 90% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

(2) Kết nạp đảng viên mới hàng năm đạt ít nhất 3% tổng số đảng viên toàn Đảng bộ.

(3) Tập hợp 85% trở lên dân số trong độ tuổi vào các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp.

2. Kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt từ 10% trở lên.

(2) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 148 triệu đồng/người/năm.

(3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 80% trong GRDP.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm đạt 160.000 tỷ đồng.

(5) Tổng số doanh nghiệp thành lập mới trong 05 năm đạt 2.500 doanh nghiệp.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 40%.

(7) Thu ngân sách (thu nội địa) bình quân hằng năm tăng 6,5% trở lên.

3. Xã hội

(1) Đến năm 2030, có 70% xã nông thôn mới nâng cao, 30% xã nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 02 huyện nông thôn mới nâng cao.

(2) Đến năm 2030 tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn dưới 30%.

(3) Đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75% (có văn bằng chứng chỉ đạt 40%); hằng năm tạo việc làm mới cho 24.000 lao động.

(4) Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2%.

(5) Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học: Tiểu học đạt 100%; trung học cơ sở đạt 99%; trung học phổ thông và tương đương đạt 75% trở lên.

(6) Đến năm 2030, có 33 giường bệnh/vạn dân; 12 - 14 bác sĩ/vạn dân.

(7) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 95% trở lên.

(8) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 45% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 5% trở lên trong lực lượng lao động xã hội.

(9) Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm bình quân từ 0,2 - 0,5%/năm.

(10) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 99,85%.

4. Môi trường

(1) Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh: Khu vực dân cư thành thị đạt 99,5%; khu vực dân cư nông thôn đạt 99%.

(2) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 99,5%. Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 99,5% trở lên; tại khu vực nông thôn đạt 90% trở lên. Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

(3) Giữ vững diện tích rừng hiện có.

5. Quốc phòng, an ninh

(1) Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(2) Trên 95% cơ quan, đơn vị, nhà trường đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

(3) Trên 90% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

(4) Trên 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

IV- CÁC CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2030 - 2035 từ 7,5 - 8,5%, phấn đấu đạt 10%/năm.

- GRDP bình quân đầu người đạt mức bình quân của cả nước.

- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GRDP.

- Thu nội địa đạt 14.000 tỷ đồng (bình quân hàng năm tăng 6,5% trở lên).

- Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn dưới 25%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80% (có văn bằng chứng chỉ đạt 50%).

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 45%.

- Giữ vững diện tích rừng hiện có.

C- XÁC ĐỊNH CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ

I- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh - gọn - hiệu lực - hiệu quả. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân, lấy người dân làm chủ thể, mục tiêu, động lực cho sự phát triển. Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn đầy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

(2) Quy hoạch, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đất đai (đất nông nghiệp, đất bãi bồi, đất công...), mặt nước, mặt biển, tài nguyên (chú ý tài nguyên

nước), khoáng sản, bảo vệ môi trường (xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn), chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung phát triển du lịch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới (điện gió, điện năng lượng mặt trời, Hydro xanh...), tạo động lực để khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển, năng lượng sạch và phát triển du lịch.

(3) Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các lĩnh vực, các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế, chứa hàm lượng công nghệ có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao; tập trung phát triển công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng các chuỗi giá trị nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số; mở rộng không gian liên kết vùng, khu vực, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh tạo động lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc chuyển đổi số và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển và khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo nguồn thu ngân sách mang tính bền vững đi đôi với cơ cấu nhiệm vụ chi hợp lý, tiết kiệm; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư hợp pháp khác để phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và xây dựng nông thôn mới.

(4) Tiếp tục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là những ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế. Phát huy truyền thống đoàn kết, khơi dậy khát vọng phát triển, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Trà Vinh, xây dựng mỗi người Trà Vinh là biểu tượng của sự thân thiện và hiếu khách; thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách xã hội tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của người dân trong tỉnh.

(5) Tập trung thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (Par Index); chỉ số hiệu quả quản trị và chính sách công (PAPI), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index), chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI). Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là việc thực thi tinh thần “thượng tôn pháp luật”.

(6) Tập trung củng cố thể trận quốc phòng - an ninh vững mạnh; bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân không để xảy ra “điểm nóng”.

II- NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ

(1) Tiếp tục phát triển về hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, cảng biển theo hướng đồng bộ, liên kết, hiện đại, gắn với hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin nhằm tạo động lực đột phá phát triển du lịch, nông nghiệp xanh, công nghiệp chế

biển, năng lượng sạch, hướng đến hình thành trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước.

(2) Tiếp tục đột phá về cải cách hành chính; tập trung tháo gỡ vướng mắc, tổ chức thực hiện tốt hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, lành mạnh, công bằng; huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị.

(3) Đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên cơ sở tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và đào tạo; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số; khơi dậy khát vọng phát triển giá trị văn hóa, phát triển con người, tinh thần đoàn kết người Trà Vinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

D- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I- ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ; ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA; PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN VÀ PHÂN ĐẤU TRỞ THÀNH TRUNG TÂM XUẤT KHẨU NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CỦA CẢ NƯỚC

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực; chú trọng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn để nâng cao sức cạnh tranh và tính bền vững của nền kinh tế

- Ưu tiên đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên các lĩnh vực.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Phân đầu đưa khoa học và công nghệ một số lĩnh vực của địa phương đạt trình độ tiên tiến trong nước và khu vực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, làm cơ sở tạo động lực tăng trưởng mới của tỉnh. Phân đầu 100% kết quả nghiên cứu được chuyển giao, ứng dụng phục vụ xây dựng chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh, trong đó trên 80% các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh, cải cách hành chính, quản lý nhà nước; phát triển khoa học, công nghệ thông qua chỉ tiêu năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp trên 50% vào tăng trưởng kinh tế (của Quốc gia là 45 - 50%).

- Chú trọng phát triển hạ tầng, dữ liệu số, tạo nền tảng để phát triển chính quyền số, kinh tế số (phần đầu đạt tỷ trọng 12 - 15% trong GRDP), xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng đô thị thông minh; ưu tiên nguồn lực, nhân lực phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học và công nghệ

đồng bộ, thông suốt. Phát triển hệ thống quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử...

2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế để kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững

2.1. Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn; đầu tư, phát triển Khu nghiên cứu nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc Trường Đại học Trà Vinh. Phát triển ngành nông nghiệp 03 vùng sinh thái (*mặn, ngọt, lợ*) theo hướng hiện đại, bền vững, tuần hoàn, sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhân rộng mô hình “*Phát triển bền vững một triệu héct-a chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp*”. Phát triển các vùng nông nghiệp sản xuất tập trung theo các loại sản phẩm có lợi thế của tỉnh, bao gồm vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng cây ăn trái, cây dứa, vùng cây màu thực phẩm, vùng chăn nuôi và vùng nuôi trồng thủy sản. Hình thành các khu nông nghiệp, vùng nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; phát triển dứa hữu cơ gắn với cấp mã số vùng trồng để đẩy mạnh xuất khẩu. Phát triển ngành chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hữu cơ, hàng hóa chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng, chống dịch bệnh. Tổ chức lại chăn nuôi theo hướng hợp tác liên kết chuỗi giá trị ngành hàng gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm cho đàn bò, heo và gia cầm. Tập trung thực hiện công tác phát triển và tham gia thị trường tín chỉ các-bon. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Bảo vệ và củng cố rừng chắn sóng ven biển, ven cửa sông; phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn kết hợp với nuôi thủy sản sinh thái, nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao và phát triển du lịch.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt đô thị, nông thôn và các công trình phòng, chống thiên tai; xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh, đê, kè, cống, các hồ chứa nước cho sinh hoạt và sản xuất, kiểm soát xâm nhập mặn; tập trung hoàn thành dự án Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thè bảo đảm an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh.

- Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện chiến lược ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phấn đấu thu nhập bình quân của dân cư nông thôn gấp 1,2 lần so với năm 2025.

2.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Phát triển công nghiệp nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường gắn với lợi thế kinh tế biển, tập trung các ngành có lợi thế như năng lượng tái tạo, công nghệ bán dẫn, chế biến nông, thủy sản. Mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất các nhà máy hiện có; xây dựng mới các nhà máy chế biến có thiết bị, công nghệ hiện đại gắn với vùng nguyên liệu; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, gia tăng tỷ lệ sản phẩm chế

biển sâu đáp ứng yêu cầu xuất khẩu; chú trọng đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch. Phát triển, tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (10 - 12%), nhất là quan tâm tạo điều kiện thuận lợi hoạt động, sản xuất đối với các công ty, doanh nghiệp sản xuất thuộc các ngành chế tạo, chế biến.

2.3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

- Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, quy hoạch tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, liên thông và kết nối đồng bộ với vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Phối hợp chặt chẽ với Trung ương, các tỉnh đầu tư các tuyến giao thông quan trọng, nhất là 02 tuyến cao tốc (*Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33)* và *Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh (CT.36)*); Cầu Đại Ngãi; Tuyến đường hành lang ven biển; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 53 (*đoạn Long Hồ - Ba Si*), Quốc lộ 54 (*Vĩnh Long - Trà Vinh*), đầu tư xây dựng Quốc lộ 60 đoạn qua tỉnh Trà Vinh; tuyến Tránh Quốc lộ 53 (*đoạn qua thành phố Trà Vinh*); nâng cấp Quốc lộ 53, Quốc lộ 54 (*trên địa bàn Trà Cú*). Xây dựng các tuyến đường tỉnh, đường huyện, giao thông nông thôn, bến xe khách, bến thủy nội địa, khu bến cảng, khu neo đậu tàu thuyền...

- Chú trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp hệ thống giao thông nội bộ và giao thông kết nối bên ngoài khu công nghiệp, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và bảo vệ môi trường. Tăng cường thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, ưu tiên các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với quy hoạch của từng khu công nghiệp. Tiếp tục kêu gọi đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch các khu chức năng, quy hoạch nông thôn gắn với phát triển đô thị theo Quy hoạch tỉnh. Tổ chức thực hiện tốt việc định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn. Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống đô thị, phấn đấu đến năm 2030 toàn tỉnh có 14 đô thị⁽¹⁵⁵⁾, trong đó thành phố Trà Vinh là đô thị trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật và giáo dục đào tạo của tỉnh, là đầu mối giao thông quan trọng kết nối các đô thị trong tỉnh và các khu vực liên tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, là biểu tượng của thành phố xanh - sạch - đẹp - thân thiện và chỉnh trang đô thị. Ưu tiên nguồn lực đầu tư, phát triển thị xã Duyên Hải đạt các tiêu chí đô thị loại III.

2.4. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, thương mại - dịch vụ, du lịch, tiêu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

⁽¹⁵⁵⁾ Gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Trà Vinh mở rộng); 01 đô thị loại III (thị xã Duyên Hải); 03 đô thị loại IV và 09 đô thị loại V.

2.5. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, chất lượng cao. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ngành. Trong đó:

- Phát triển dịch vụ thương mại, nâng cao khả năng tham gia điều tiết, cân đối cung cầu, lưu thông hàng hóa bảo đảm thông suốt, đáp ứng đầy đủ các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống người dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, phân đầu tổng giá trị xuất khẩu đạt trên 1.700 triệu USD vào năm 2030.

- Tăng cường quảng bá, thu hút đầu tư phát triển du lịch xanh, bền vững, có sức cạnh tranh cao; phát triển đồng thời du lịch biển, du lịch di sản văn hóa, đặc biệt là văn hóa Khmer; du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp; liên kết với các điểm đến của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, phân đầu đưa Trà Vinh trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn của vùng đồng bằng sông Cửu Long⁽¹⁵⁶⁾.

2.6. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác; cơ cấu lại nguồn thu ngân sách theo hướng bền vững; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong huy động, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công. Thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2.7. Phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp, kinh tế hợp tác

- Phát triển các loại hình doanh nghiệp cả về số lượng, quy mô và lĩnh vực hoạt động; hoàn thiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, liên kết tiêu thụ sản phẩm, chú trọng phát triển doanh nghiệp trong chuỗi sản phẩm chủ lực của tỉnh, Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP).

- Tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi; phân đầu có thêm nhiều doanh nghiệp lớn có vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh, trong các chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến khích hình thành, phát triển các chuỗi liên kết giữa các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh với các doanh nghiệp; triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã và tổ hợp tác; bồi dưỡng năng lực, trình độ quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển hợp

⁽¹⁵⁶⁾ Phân đầu đến năm 2030, phát triển các khu du lịch trọng điểm (*Khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị, Khu Văn hóa - Du lịch Ao Bà Om, Khu du lịch biển Ba Động, Khu du lịch sinh thái Cù lao Tân Qui, Khu du lịch sinh thái Hàng Dương; Khu căn cứ Tỉnh ủy, Khu lưu niệm Cố soạn giả - Nghệ sĩ Nhân dân Viễn Châu, Khu lưu cù II...*).

tác xã, nhân rộng các mô hình hợp tác xã điển. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội.

2.8. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại

Duy trì tốt quan hệ với các đối tác truyền thống và mở rộng các đối tác khác. Tổ chức các cuộc gặp mặt với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp Việt kiều và kiều bào; tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa và hợp tác giữa các tổ chức hữu nghị; chú trọng thu hút đầu tư từ bên ngoài làm động lực phát triển mang tính đột phá; kịp thời cung cấp thông tin thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng thị trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh, đầu tư trong và ngoài nước. Quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả.

3. Tiếp tục xây dựng Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long; phấn đấu là trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước

3.1. Triển khai Kế hoạch và tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm hài hòa, gắn kết với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; cụ thể hóa 36 hợp phần quy hoạch thành các kế hoạch, đề án phù hợp. Chủ động rà soát, điều chỉnh, cập nhật và xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch đồng bộ, phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh, quy hoạch cấp cao hơn.

3.2. Huy động tối đa, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế biển, nhất là hạ tầng cảng biển Khu bến Duyên Hải - Định An, Khu bến cảng Trà Cú - Kim Sơn, các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão theo nhóm cảng biển số 5 trong Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.3. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế của địa phương theo 03 vùng sinh thái (mặn, lợ, ngọt); tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển mạnh nuôi thâm canh mật độ cao một số con nuôi có thể mạnh như tôm sú, tôm thẻ chân trắng. Đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư cải hoán và đóng mới tàu công suất lớn. Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển - chế biến thủy sản, gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi. Đầu tư phát triển đồng bộ các dịch vụ hậu cần nghề cá để phát triển bền vững ngành khai thác hải sản.

3.4. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch ven biển. Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư để tôn tạo các danh lam thắng cảnh, làng nghề, bảo tồn các lễ hội, xây dựng các công trình văn hóa, khu vui chơi giải trí hiện đại, khu nghỉ dưỡng, du lịch tham quan kết hợp hội thảo, mua sắm... góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch ven biển.

3.5. Kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp biển và ven biển. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề

án phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2030; chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ biển, logistics, năng lượng tái tạo, nuôi trồng và đánh bắt và chế biến thủy hải sản, tranh thủ các nguồn lực đầu tư phát triển Khu Kinh tế Định An và đô thị ven biển; quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thị xã Duyên Hải, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng thị xã Duyên Hải trở thành đô thị loại III.

3.6. Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, hình thành Trung tâm năng lượng sạch của vùng đồng bằng sông Cửu Long, Trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước, phát triển hệ thống điện thông minh; khai thác tối đa công suất các nhà máy nhiệt điện hiện có, từng bước nâng cao tỷ trọng nguồn điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền Nam và cả nước. Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia và phát triển hạ tầng, dự trữ và cung ứng xăng dầu, khí đốt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giai đoạn đến năm 2030.

3.7. Kêu gọi đầu tư phát triển dịch vụ cảng biển và logistics, khai thác có hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển; nâng cấp hệ thống kho bãi, bảo quản hàng hóa, dịch vụ hậu cần, nhất là các bến cảng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động và chất lượng dịch vụ logistics; hình thành và phát triển Trung tâm logistics hạng II tại Khu kinh tế Định An, Bến thủy nội địa tại thị xã Duyên Hải.

II- PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, TOÀN DIỆN VĂN HÓA, CON NGƯỜI

1. Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao

- Xây dựng, phát triển văn hóa của tỉnh tiên tiến, đậm đà bản sắc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh, gắn với mục tiêu phát triển con người. Tiếp tục bảo vệ, đầu tư tôn tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa; nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phục dựng, phát huy các di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao các cấp trong tỉnh đạt chuẩn theo quy định. Hình thành, phát triển tư duy “xây dựng và nâng cao hiệu quả công nghiệp văn hóa”. Nghiên cứu, triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng áp, xã văn hóa nông thôn mới, cơ quan, trường học văn minh; xây dựng nền nếp văn hóa, lối sống văn hóa trong từng gia đình, khu dân cư, tổ chức các lễ hội đảm bảo an toàn, tiết kiệm.

- Đầu tư nâng cấp các công trình thể thao; xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh; nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện phục vụ cho thể thao thành tích cao; phát triển thể dục thể thao đa dạng, phong phú và bền vững; đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục thể thao.

2. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số và phát triển; bình đẳng giới, gia đình và trẻ em

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống y tế hiện đại, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của người dân trong tình hình mới, nghiên cứu

nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện sản nhi, Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh, các bệnh viện Đa khoa khu vực, các Trung tâm y tế tuyến huyện, Bệnh viện phục hồi chức năng. củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật; khuyến khích đầu tư phát triển y tế ngoài công lập. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng Cơ sở Bảo trợ xã hội và Cơ sở Cai nghiện ma túy.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế bảo đảm số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Thực hiện tốt chiến lược dân số gắn với xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; phấn đấu tốc độ tăng dân số bình quân 0,75%/năm, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em cân nặng theo độ tuổi dưới 4%; chủ động thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tuổi thọ trung bình của người dân đạt 75 tuổi trong đó thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm.

- Tăng cường phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BHYT, BHXH bằng nhiều hình thức phù hợp. Tiếp tục phát triển người tham gia BHYT, hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các nhóm thuộc đối tượng thụ hưởng; huy động, lồng ghép các nguồn lực, hỗ trợ kinh phí người dân có hoàn cảnh khó khăn tham gia BHYT. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, tăng mức độ hài lòng và quyền lợi người khám, chữa bệnh bằng thẻ BHYT. Phấn đấu đến cuối năm 2030 có 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Tăng cường công tác tuyên truyền, thực hiện bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

3. Bảo vệ, nuôi dưỡng, phát triển các giá trị, nhân cách, truyền thống tốt đẹp của con người Trà Vinh, đoàn kết xây dựng Trà Vinh ngày càng giàu mạnh. Phấn đấu chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,75 trở lên (của Quốc gia là 0,7).

III- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới trường, lớp; đầu tư, xây dựng cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại; khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Thành lập mới các Trường THPT trên địa bàn thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải (khi đảm bảo điều kiện); đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Trà Vinh. Làm tốt công tác phân luồng học sinh, phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu xã hội. Từng bước trang bị đầy đủ thiết bị dạy, học đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018. Phấn đấu đến 2030, toàn bộ hệ thống trường mầm non và phổ thông có đủ trang thiết bị và điều kiện tổ chức dạy học theo chương trình mới; có khoảng 73% trường mầm non, 89% trường tiểu học, 70% trường trung học cơ sở và 91% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn, góp phần thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Tiếp tục đầu tư, xây dựng Trường Đại học Trà Vinh theo mô hình đại học tiên tiến, hiện đại. Nâng cấp, mở rộng Trường Chính trị Trà Vinh đạt chuẩn.

2. Triển khai hiệu quả Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” gắn với đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ - thông tin, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Khắc phục triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; từng bước xây dựng, phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ theo quy định, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục và đào tạo.

IV- ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN, TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Phát triển, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ

- Xác định là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực phát triển của tỉnh. Tăng cường đầu tư và nghiên cứu khoa học; ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống của người dân và doanh nghiệp. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển Trung tâm khoa học công nghệ và truyền thông thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học công nghệ môi trường thuộc Trường Đại học Trà Vinh.

- Triển khai thu thập dữ liệu xây dựng bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, phấn đấu thứ hạng PII được cải thiện hàng năm. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

- Thúc đẩy phát triển các hướng nghiên cứu, giải pháp ứng dụng công nghệ kết hợp với chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu triển khai ít nhất 75 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn.

- Triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2026 - 2030, đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý sản phẩm đặc thù, bảo hộ nhãn hiệu, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu “Trà Vinh”... Tạo lập, quản lý và quảng bá nhãn hiệu chứng nhận “Du lịch Trà Vinh” gắn liền với các sản phẩm đặc sản, chủ lực và dịch vụ du lịch của tỉnh.

- Thu hút, đãi ngộ, trọng dụng nhà khoa học; đổi mới phương thức đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Tăng cường hợp tác doanh nghiệp trong và ngoài nước để chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện hợp tác và hình thành mạng lưới nghiên cứu khoa học bền vững giữa các nhà khoa học, các viện, trường trong và ngoài nước.

2. Phát triển thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, Internet kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia. Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, chú trọng nâng cao chất lượng mạng di động băng rộng 5G, 6G.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, khuyến khích áp dụng các nền tảng học tập trực tuyến, giúp người lao động có thể tiếp cận với các kiến thức mới một cách linh hoạt và hiệu quả. Sử dụng các nền tảng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR) và dữ liệu lớn (big data) trong việc đào tạo và đánh giá nhân lực.

- Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ số, số hóa cung cấp dịch vụ bưu chính truyền thống trên cơ sở nền tảng mã định danh xác thực điện tử; hoàn thành mạng truyền số liệu chuyên dùng từ tỉnh đến xã.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai xây dựng phát triển Chính quyền điện tử; hoàn thiện và đạt các mục tiêu nhiệm vụ cơ bản về chính quyền số, nhất là tập trung hoàn thiện xây dựng và tích hợp đầy đủ cơ sở dữ liệu các lĩnh vực quản lý nhà nước; kết nối đồng bộ, thông suốt về cơ sở dữ liệu giữa Trung ương và địa phương, giữa tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.

- Bảo đảm số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, bảo đảm cơ sở dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”; bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính quyền điện tử; Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân trong quá trình phát triển Chính quyền điện tử tại địa phương tạo niềm tin cho tổ chức, công dân, doanh nghiệp khi sử dụng các dịch vụ của chính quyền các cấp.

V- GIẢI QUYẾT TỐT VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM, THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ AN SINH XÃ HỘI; QUAN TÂM CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

1. Lao động, việc làm, thực hiện các chính sách xã hội và an sinh xã hội

- Tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác đưa học sinh, sinh viên, người lao động, đi học tập, làm việc ở nước ngoài. Tổ chức các phiên giao dịch việc làm trong tỉnh và khu vực, kết nối cung - cầu lao động. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn; ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao. Khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Phấn đấu đến năm 2030, đầu tư mới các Trung tâm dạy nghề, Trung tâm dịch vụ việc làm. Phấn đấu tăng năng suất lao động bình quân 11,65%/năm (của Quốc gia là 6,5 - 7,5).

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách người có công và an sinh xã hội; phấn đấu trên 90% trẻ em được hỗ trợ phục hồi chức năng. Huy động các nguồn

lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. Phấn đấu thành lập mới Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi, Trung tâm điều dưỡng người có công, Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập...

2. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc các chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, tôn giáo đến cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành và Nhân dân.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer. Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn II (2026 - 2030), gắn kết hiệu quả các chương trình, dự án với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc, những giá trị văn hóa truyền thống, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển địa phương.

VI- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Khai thác hợp lý quỹ đất tự nhiên và sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý, hiệu quả trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030.

2. Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học. Khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản, nhất là các khu vực đã điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác bao gồm cát lòng sông, sét gạch ngói, cát san lấp ven biển và nước khoáng nóng.

3. Thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường; phục hồi, cải tạo môi trường tại các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, cải thiện môi trường làng nghề; tăng cường bảo vệ các di sản thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học; nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4. Xây dựng và thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 tầm nhìn 2050. Đẩy mạnh công tác phân loại rác thải tại nguồn và khuyến khích áp dụng công nghệ tái chế; đầu tư, nâng cấp các Nhà máy xử lý chất

thải rắn và Nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; không để phát sinh mới các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

VII- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Tiếp tục lãnh đạo tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong từng quy hoạch, kế hoạch; xây dựng khu vực phòng thủ an toàn, vững chắc; bảo đảm ổn định chính trị, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, vùng biển của tỉnh.

2. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương sát tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. Nâng cao ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang tinh thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tinh thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện hiệu quả các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền, vùng biển của tỉnh, an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ.

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; chủ động nắm chắc, sát tình hình, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh thông tin...

VIII- ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI

1. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nhất là đối ngoại Đảng, đối ngoại nhân dân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Đẩy mạnh liên kết hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long về các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông cấp vùng kết nối các đô thị, trung tâm du lịch và khu công nghiệp, vùng nguyên liệu, chế biến của tỉnh; trao đổi thông tin về quy hoạch, định hướng phát triển, phối hợp tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư với các địa phương trong vùng và cả nước. Tăng cường các hoạt động hợp tác, giao lưu, gắn bó hợp tác bền chặt với tỉnh Thái Bình.

3. Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các vùng, địa phương của các quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Trà Vinh, có tiềm năng, thế mạnh, duy trì mối quan hệ kết nghĩa với tỉnh Battambang (Campuchia) để tiếp tục hợp tác phát triển kinh tế, chuyên giao công nghệ, giao lưu văn hóa. Phát huy Trường Đại học Trà Vinh với vai trò cửa ngõ của tỉnh Trà Vinh ra thế giới; triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các thỏa thuận hợp tác quốc tế giữa Trường Đại học Trà Vinh với các viện, trường ngoài nước.

IX- PHÁT HUY HIỆU QUẢ CÔNG TÁC DÂN VẬN, MẶT TRẬN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NHÂN DÂN VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao công tác dân vận của cấp ủy, hệ thống chính trị; xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, toàn diện

- Thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; các chủ trương của Trung ương về công tác dân vận, nhất là đối với đồng bào dân tộc, đồng bào tôn giáo; phát huy hiệu quả sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động theo hướng bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, tập trung hướng hoạt động về cơ sở, gần dân, sát dân, tránh tình trạng xa dân, phô trương hình thức. Quan tâm chăm lo, bảo vệ quyền lợi ích, hợp pháp chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước và nhân rộng các điển hình “*Dân vận khéo*” trên các lĩnh vực. Phát huy vai trò tập hợp và phát triển quần chúng ưu tú vào các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng, hội nghề nghiệp...

- Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thể hiện vai trò nòng cốt, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên, Nhân dân, thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội; tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vấn đề xã hội quan tâm, nhằm củng cố niềm tin, tạo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động, tạo sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

- Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội gương mẫu, tâm huyết với nghề và nêu cao ý thức trách nhiệm với xã hội, đổi mới tư duy, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2. Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Phát huy dân chủ, thực hiện hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, trong đó Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cơ quan nhà nước các cấp với Nhân dân, người sử dụng lao động với người lao động theo quy định. Tập trung giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, các vụ việc bức xúc, phát sinh từ cơ sở; tiếp tục đổi mới phương pháp chỉ đạo, điều hành của chính quyền; nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tạo đồng thuận xã hội, phát huy quyền dân chủ của nhân dân gắn với kỷ cương, pháp luật, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện các

mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra. Thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của các phong trào thi đua; kịp thời phát hiện gương người tốt, việc tốt, chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu có nhiều thành tích đóng góp.

X- NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN, CHẤT LƯỢNG CẢI CÁCH TƯ PHÁP; QUAN TÂM ĐỐI THOẠI, TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA CÔNG DÂN

1. Lãnh đạo tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp theo phương châm hành động của Tỉnh ủy, chỉ bàn làm, không bàn lùi.

2. Lãnh đạo Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp quán triệt thực hiện tư duy đổi mới “*vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển, huy động tối đa các nguồn lực phát triển, tạo không gian phát triển mới*” tạo khung khổ pháp lý để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo dân chủ, công khai, thiết thực và hiệu quả; nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; tăng cường giám sát việc thực hiện các cơ chế chính sách.

3. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025 - 2030. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế gắn với xây dựng tổ chức, bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng hệ thống đánh giá và quản lý cán bộ hiệu quả, công bằng, dựa trên kết quả công việc. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá, quản lý cán bộ. Thực hiện tốt chính sách cải cách tiền lương theo vị trí việc làm.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp đáp ứng về số lượng và chất lượng theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

5. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; phấn đấu giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở đạt từ 85% trở lên; phấn đấu thi hành đạt từ 90% trở lên đối với các quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

XI- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Tăng cường xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu chỉ thị, nghị quyết của Đảng, theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp⁽¹⁵⁷⁾; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên; phòng ngừa và chủ động chống các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

- Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực cụ thể hóa, vận dụng vào thực tiễn theo hướng tăng cường tính khoa học, tính thực tiễn, thiết thực và tính khả thi. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên kịp thời. Tăng cường chỉ đạo công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận; qua đó nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy.

2. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tư tưởng

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Tổ chức thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 28/02/2022 về “Đổi mới công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh trong tình hình mới”, Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 28/3/2023 về “Sổ tay đảng viên điện tử” đạt hiệu quả, chất lượng; kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa⁽¹⁵⁸⁾.

- Tăng cường nắm bắt và định hướng dư luận xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đẩy mạnh chuyển đổi số, giải pháp về công nghệ, kỹ thuật trong công tác tư tưởng; chủ động phòng ngừa, xử lý từ sớm đối với các vấn đề nổi cộm về tư tưởng và xã hội quan tâm; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và quản lý điều hành của chính quyền.

- Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống, củng cố lòng tự hào và khát vọng phát triển quê hương của cán bộ, đảng viên, Nhân dân Trà Vinh; tiếp tục chỉ đạo hoàn thành hồ sơ thủ tục đề nghị công nhận xã an toàn khu, vùng an toàn khu.

3. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về đạo đức

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tập trung làm tốt 03 nội dung: Học tập, làm theo Bác và nêu gương

⁽¹⁵⁷⁾ “...phải ngắn gọn, xúc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu, dễ thực hiện... tạo ra sự tự nhận thức, tự thấm nhuần, nhất là những quan điểm, chủ trương, giải pháp mới” (trích từ bài viết của đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới”).

⁽¹⁵⁸⁾ Ngày 23/2/2024, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Phát biểu tại phiên họp đầu tiên Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đề nghị các đồng chí trong Tổ Biên tập quán triệt, kiên định hệ quan điểm chỉ đạo mang tính nguyên tắc này.

của cán bộ, đảng viên. Chỉ đạo nâng chất thực hiện tốt mô hình “*Trên làm gương mẫu mực, dưới tích cực làm theo*”, “*Phát huy sức dân, tài dân, lợi cho dân*”.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức theo hướng ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp với đặc điểm của từng chi bộ, cơ quan, đơn vị⁽¹⁵⁹⁾. Biểu dương, khen thưởng, kịp thời nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt để tạo sức lan tỏa trong Đảng và ngoài xã hội. Kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc; kiên quyết xử lý đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với những cán bộ, đảng viên có sai phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nói và làm trái quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ; thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Triển khai thực hiện thực chất, hiệu quả các quy định của Đảng về công tác cán bộ. Tập trung gắn đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, thực hiện chính sách, kỷ luật cán bộ một cách khoa học, chặt chẽ, đồng bộ; chú trọng cán bộ có năng lực, hạn chế tư tưởng cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ; chú trọng đổi mới và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, bảo đảm cơ cấu và tính liên tục, kế thừa, phát triển.

- Thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ gắn với quy định của Trung ương, Bộ Chính trị về giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ, tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước...

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc quy định của Trung ương, Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đối với từng trường hợp cụ thể, giải quyết đúng đắn, sát hợp các mối quan hệ giữa lịch sử chính trị và chính trị hiện tại, giải quyết đầu ra giữa sử dụng và xử lý cán bộ.

5. Củng cố tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

- Kiện toàn, sắp xếp các tổ chức cơ sở đảng phù hợp với sắp xếp tinh gọn của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm túc, thiết thực các chủ trương của Đảng về xây dựng tổ chức cơ sở đảng; tập trung thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng; quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt cấp ủy, chi bộ và sinh hoạt chuyên đề đảm bảo quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng ở khu dân cư, doanh nghiệp, trường học, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương của Đảng về xây dựng tổ chức cơ sở đảng. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đảng viên; đổi mới công tác đánh giá, xếp loại đảng viên, đảm bảo kết quả đúng thực chất. Thực hiện nghiêm túc, thường xuyên công tác rà soát, sàng lọc đảng viên. Kiên quyết xử

⁽¹⁵⁹⁾ Theo Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị “*về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*”.

lý nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

6. Tiếp tục đổi mới hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giảm biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, gắn với vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị tinh, gọn; nâng cao trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trong việc nhận xét, đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

- Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện sát hợp, hiệu quả Kế hoạch số 54 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“thực hiện Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung”*; triển khai chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị định số 179/2024/NĐ-CP. Đổi mới hoạt động của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, địa phương, đơn vị ngày càng trách nhiệm, kỷ cương, liêm chính, sát cơ sở, vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, năng động sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, tháo gỡ triệt để điểm nghẽn, rào cản, lầy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, tất cả vì sự phát triển kinh tế-xã hội; thực hiện tốt chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động và trách nhiệm cá nhân; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao khả năng tự lực, tự cường, trách nhiệm quản trị địa phương theo phương châm *“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện...

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

- Lãnh đạo triển khai, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và phổ biến các quy định, hướng dẫn của cấp trên liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong đảng thông qua xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm; chú trọng kiểm tra, giám sát tổ chức đảng gắn với cá nhân người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát chuyên đề; tập trung giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo và xem xét, sớm có hình thức xử lý, nghiêm minh đối với các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm có chủ ý.

- Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật; sự phối hợp giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước và của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực... Quan tâm thực hiện tốt công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

8. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức, trách nhiệm, nhất là của người đứng đầu đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tuyên truyền, xây dựng văn hóa liêm chính trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Chỉ đạo cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy phải nêu gương về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị, tổ chức do mình quản lý, phụ trách.

- Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, triển khai thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phương châm “không ngừng, không nghỉ”, “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành tự giác, tự nguyện; chỉ đạo thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, nhất là các quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm soát một cách thực chất, hiệu quả về tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; phát hiện từ sớm, từ xa, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực, thể hiện tính răn đe, sự nghiêm minh của pháp luật; đồng thời cần xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

- Tiếp tục phát huy và nâng cao hơn nữa vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh; củng cố, xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ phẩm chất, năng lực, đức, tài để thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đạt chất lượng, hiệu quả. Xây dựng cơ chế bảo vệ, khuyến khích, khen thưởng người có công phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, rõ trách nhiệm các chủ thể, tổ chức, cơ quan, đơn vị trong kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và điều tra, truy tố; đồng thời phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và toàn xã hội đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

9. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy

- Đổi mới, nâng cao chất lượng việc cụ thể hóa, xây dựng, ban hành văn bản của Đảng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm đạt hiệu quả cao. Nâng cao năng lực, sức chiến đấu, tính tự giác, gương mẫu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân đảng viên tiêu biểu, gương mẫu. Phát hiện, chấn chỉnh hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên sai phạm.

- Mở rộng dân chủ trong Đảng đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương và nguyên tắc của Đảng; đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc bảo đảm khoa học, dân chủ, sâu sát, cụ thể, nói đi đôi với làm, nói ít, làm nhiều. Nghiên cứu sâu sắc, vận dụng sát thực tiễn theo phương châm “đúng vai, thuộc bài” trong thực hiện vai trò Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức, trong đó có các cơ quan Đảng; cải tiến, nâng cao chất lượng các cuộc hội nghị của các cấp ủy và chi bộ, tổ chức cơ sở đảng; giảm hội họp không cần thiết.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc; phát huy vai trò, tính tự chủ, năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết kịp thời những chủ trương lớn đi đôi với quan tâm đúng mức công tác bồi dưỡng, xây dựng, phát hiện và nhân rộng những điển hình tiên tiến...

E- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII trong cán bộ, đảng viên và tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; nâng cao nhận thức, thống nhất hành động, tạo sự chuyển biến ngay từ những ngày đầu nhiệm kỳ đại hội.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các cấp, các ngành căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội xác định, khẩn trương xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, các cơ chế, chính sách cụ thể để triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

3. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và tăng cường công tác phối hợp, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, uốn nắn thực hiện; định kỳ hàng năm có sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp để thực hiện có hiệu quả. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XII nhận thức sâu sắc trách nhiệm đối với Nhân dân tỉnh nhà, với truyền thống yêu nước, cách mạng, đoàn kết, năng động, đổi mới, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, huy động mọi nguồn lực, quyết tâm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XII đề ra, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.
